維新己酉年新鐫

五千字譯國語

THƯ VIỆN QUỐC GIA
R.2162
K.1554

敬啓者

今當文明日進學界改良國語字其闗切也幸得此書乃前人之所著其字義連絡音律貫通顏之曰五千字文竊恐其愈久而愈差遂查之字典頗屬精詳譯出國語字以便當辰之

學習且書內類編各有條目有似乎日用常談而更出於常談之右非廣如康熙字典而亦撮乎字典之微此書也不但幼學之所易曉而中學者其庶乎小補云歲己酉中秋五千字譯出國語字書成付之鋟梓以廣其

傳爲海嘉石柳原補授正總院秉拙筆謹白

五千字目錄

第一開說　第二天文　第三地理　第四國君
第五序倫　第六勸善　第七士附文學　第八農附田器
第九工附工器　第十商附算數　第十一身体臟腑　第十二人品
第十三宮室棟宇　第十四廟宇　第十五車　第十六舟楫　第十七食部
第十八飲部　第十九纖紝帛布　第二十衣服黼黻　第二十一宝玉從金用金從玉用玉
第二十二器皿　第二十三樂器　第二十四軍器　第二十五網罟　第二十六舉動
第二十七時令干支　第二十八雜戲　第二十九羽族　第三十毛族　第三十一鱗介
第三十二昆蟲　第三十三仙佛神鬼　第三十四木部　第三十五禾穀　第三十六花草果實
第三十七竹類、第三十八祝頌
附次補遺

五千字

第一開說

乘 因 thừa nhân　閑 永 nhàn vắng　暇 未 hạ dồi　乾 𡗶 kiền giời　坤 坦 khôn đất　栽培 𢪀𢫪 trô bồi đồng vun

昔 𦤾 tích xưa　字 𡨸 tự chữ　猶 群 do còn　觀 祜 quan xem　撰 撰 soạn giọn　圓 圇 viên trôn　篇 篇 thiên 一

爲 爫 vì làm　音 𠰘 âm tiếng　致 𨖲 chí lên　芳 𦬑 phưởng thơm　留 底 lưu để　編 編 biên 一　代 𠐞 đại đời

天 𡗶 thiên giời　地 坦 địa đất　人 𠊛 nhân người　群 排 quần bầy　庶 每 thứ mọi　類 類 loại loài　成 𨖲 thành lên

判 𢺺 phân chia　下 𨑜 hạ dưới　上 𨕭 thượng trên　生 生 sinh 一　繼 𦀊 kế nối　傳 傳 truyền chuyền 一　久 數 cửu lâu

自 辝 tự từ　前 𨎟 tiền trước　後 𡢐 hậu sau　達 通 đạt thông　理 𨤰 lý nhẽ　深 𣴓 thâm sâu　辭 𠴍 từ nhời

第二天文

月 𣎃 nguyệt mặt dăng　日 𩈘𡗶 nhật mặt giời　往 戈 vãng qua　來 吏 lai lại　移 𡗶 di giời　更 𫡚 canh thay

雨 湄 vũ mưa　暑 𤎏 thử nắng　雲 𩄲 vân mây　霜 霜 sương 一　雪 雪 tuyết 一　晝 𣈜 chú ngày　夜 店 dạ đêm

氤氳 宜𡨧 nhân huân nghi ngút　祥 𢢯 tường tốt　曦 暎 dân ánh　曙 𠚢 thử sáng　陰 淹 âm êm　調 和 điều hòa

雷霆 霳霆 Lôi đình sấm sét 發 𤼸 phát ra 轟 爤 oanh dấn 電 𩅜 điện chớp 遐 賒 hà sa 迹 跡 tích gần

星 𤏬 tinh sao 列 次 liệt thứ 運 韻 vận vần 分 𢺺 phân chia 野 内 nỏa lội 層 𡎝 tầng tầng 台 胎 thai 一

宿 𤏬 歆 tú sao hôm 晨 𤏬 枚 thần sao mai 翳 淫 ế dâm 霞 爛 hà ráng 霓 蟡 nghê chai 霧 霚 vụ mù

彗 𤏬 𦼔 tuệ sao rê 孛 𤏬 湏 bột sao tua 霹靂 𩆐 奇 tích lịch séc cọ 機樞 揁 棣 cơ khu máy móng

奎 奎 Khuê 一 軫 軫 chẩn 一 亢 亢 cang 一 氐 氐 đê 一 鼎 鼎 ngang 一 恒 常 hằng thường 旋 𨋣 toàn xuôi

霢 音覓 湄 催 xiến mưa rối 霎 湄 𤀗 Lũ mưa bay [illegible] 彙 雨 nậng nâng 蝀 蠓 đông mống [illegible]霾 音昏埋 最 霚 hôn mai tối mù

五千字

二

霖 霒 lâm rầm 乾 燥 can giao 枯 枯 khô 一 滂沱 湨 闇 bàng đà chan chứa 霑濡 音濡 淫 湊 chiêm nhu đầm dìa

蝕 音食 侵 thực xâm 晷 膝 cao bóng 轉 車 chuyển xe 霅霫 音立習 湄 奇 lập tập mưa cả 虹蜺 林 𧍋 hồng nghê cầu vồng

澍 音注 湃 chú dào 颶 音具 拖 cụ bão 晴 𣋀 tình chong 冰 這 băng giá 露 沐 lộ móc 淳風 𨔾 和 thuần phong gió hòa

崇 高 sùng cao 漠 藩 mạc thẳm 遙 賒 dao xa 鑒 爩 rám soi 佑 𢵩 hựu giúp 予 些 dư ta 懷 𢘾 hoài lòng

第三地理

林 棱 lâm rừng 山 岧 sơn rú 源 𤂬 nguyên dòng 嶽 𡶀 nhạc non 土 坦 thổ đất 河 滝 hà sông 澤 𤅶 chạch chằm

胡 胡 hồ 一 海 㴜 hải bể 潭 潭 đàm đầm 沙 吉 sa cát 漚 音歐 浡 âu bọt 窪 音窩 沉 頭 瘻 oa chằm chân châu

洛 汋 洴 chiểu ao cạn 漤 音蘇 汋 漊 thiú ao sâu 寉 寬 𡎝 坦 thôi ngôi lúi đất 澗 溝 瀝 洲 rảnh câu lạch ngòi

湄 渼 mi dân 淘 湧 㴻 灌 đào nũng deo chôi 波 濤 瀾 淠 ba đào váng sóng 垸 堆 楝 𡏽 nghệ đôi đống cồn

水 渃 thủy nước 濕 濘 角切 捧 涛 thấp hộc ũng dồn 淪 泠 洴 𣴓 luân linh sóng nhỏ 泥 𡋂 lê bùn 谷 𧮘 cốc hang

洿 音枯 汻 khô nhỏ 浩 蕩 溟 茫 hiệu đãng mênh mang 峇 嵒 音迢書 𡎝 坦 thiều thủ lúi đất 橋 梁 梂 茹 kiều lương cầu nhà

洄 音回 渃 汊 hồi nước vẫn 潨 音衆 我 𪀄 chúng ngã ba 阡 陌 坡 隊 thiên mạch bờ đội 砂 沙 sa sỏi 堀 𡋿 khu gò

陵 𡽫 lăng cồn 泉 𤂬 tuyền suối 墟 𡋿 khư gò 磧 磯 㙟 砾 tích cơ gềnh đá 渡 㳥 độ đò 江 滝 giang sông

濞 音絜 𡶀 khiết kênh 港 音項 瀝 hạng lạch 流 涌 lưu dòng 川 滝 xuyên sông 浪 洴 lãng sóng 玲 瓏 𦲿 壓 linh lung rập rìn

汐 音夕 渃 逆 tịch nước rặt 潮 渃 𨖲 chiều nước lên 岩 𨖅 nham trên 淵 域 uyên vực 陸 塘 lục đường 洲 灘 châu chôi

池 汋 trì ao 𡨸 音摘 狹 挾 𢓡 chiếc hiệp hẹp hai 堡 城 bảo thành 畎 瀝 quyến lạch 噲 洲 khoái ngòi 邊 边 biên 一

周 觥 châu quoanh 徑 蹊 kính tắt 紾 連 linh liền 𡨸 音追 畬 𤲂 樵 truy dư ruộng dâm 幘 員 viên 一 城 城 thành 一

屯 屯 đồn 一 壘 垒 lũy 一 營 營 doanh 一 村 村 thôn 一 里 𡏽 lý rầm 繞 觥 nhiễu quoanh 鄉 廊 hương làng

墉 城 rong tường 津 渡 tân bến 路 塘 lộ đường 藩 篱 phiên phên 籬 笛 ly rào 簫墻 幅𡢻 tiêu tường bức che

派 洲 nhái? nững 洫 𣳔 húc rãnh 溪 溪 khê khe 亨衢 塘奇 hanh cù tường cả 堰提 坡垠 yểng đê bờ ngăn

邦畿 几畧 bang kỳ kẻ chợ 民 民 dân dân 一界 音架 碣 坡𡎟 rõi? việt bờ cõi 比鄰 庄槛 tị lân làng riêng

坛 壇 đàn 一社 社 xã 一神 𧏵 thần thiêng 場 塲 tràng 一境 𡎟 cảnh cõi 私 稹 tư riêng 睦 和 mục hòa

第四國君

基 壀 cơ bền 國 渃 quốc nước 家 茹 gia nhà 慶 𢜠 khánh mừng 聖 聖 thánh thánh 一座 座 tọa toà 帝 𢁨 đế vua

文 文 văn 一武 武 vũ 一扶 夫 phù giúp 攬 拎 lãm cầm 總 𦀊 tổng tóm 圖 怙 đồ lo 保 𡑖 bảo rìn

邇 音粹 蔵 túy ngăm 輦 凭 nhũng? ưỡng 固 𥿗 cố bền 晏 安 ón yên 乂 治 nghệ trị 寧 安 linh yên 阜 𢀭 phụ nàu

延 𧼋 chuyên dài 壯 跬 tráng khỏe 永 数 vĩnh lâu 從容 従且 thong dong thong thả 朝 朝 chiêu chầu 莊 嚴 chang ngiêm

望 𩈘 vọng trông 仰 𨁚 ngưỡng ngửa 瞻 粘 chiêm xem 庭 𡑝 đình sân 跋 跐 côp bậc 陛 墫 bệ thềm 尊 高 tôn cao

契 翁契 tiết ông 一陶 翁交 giao ông 一陞 蓮 thăng lên 降 𨃐 răng xuống 入 𠅒 nhập vào 出 𠶓 xuất ra

威 威 uy 一德 德 đức 一遠 賒 viễn xa 蠻夷 預每 man di dợ mọi 吾 些 ngô ta 賓 𦧘 tân chiêu

第五序倫

冕 𢂎冕 miện mũ 一旒 幡旒 lưu rải 一靖 安 tỉnh yên 隆 盛 long thịnh 富 𢀭 phú giầu 貴 𢀨 quí sang

揚 㧅 dương dở 開拓 𨷑𣹓 khai thác mở mang 制度 法則 chế độ phép tắc 宇疆 垓坡 vũ cương cõi bờ

徽 音景 𠺺 cảnh rằn 問 誨 vấn hỏi 對 嘜 đối thưa 楓宸 准瀋 phong thần chốn thẩm 鑾輿 車鑽 loan dư xe vàng

範 囩 phạm khuôn 紀 𦀊 kỷ mối 綱 緄 cương riềng 古 𠸗 cổ xưa 歷 𠫾 lịch trải 如 朋 như bằng 今 吟 kim nay

肇 𨢇 triệu gây 修 所 tu sửa 叙 排 tự bày 父 吒 phụ cha 母 媄 mẫu mẹ 師 柴 sư thầy 君 𢂜 quân vua

夫 𫯳 phu chồng 婦 𡞕 phụ vợ 婚 姻 hôn nhân 伯 博 bá bác 叔 𡀫 thúc chú 姑 姑 cô cô 一姨 姨 di dì

位 𠀧 vị vì 序 次 tự thứ 儀 宜 nghi nghì 一兄 英 huinh anh 姊 姊 tỉ chị 則 時 tắc thì 弟 𡛔 đệ em

子 𡥵 tử con 孫 𡥙 tôn cháu 增 添 tăng thêm 嬸 嬸 thẩm thím 壻 𡦂 tế rể 妹 𡛔 muội em 森 圍 sâm xum vầy

喜 𢜠 hỉ mừng 福 福 phúc 一滿 𤀒 mãn đầy 祖 翁 tổ ông 先 𠓀 tiên trước 厚 𠫅 hậu dầy 仁 仁 nhân 一

相 𢚸 tương cùng 居 於 cư ở 親 親 thân 一宗 𣳔 tôn dòng 族 戶 tộc họ 近 斤 cận gần 疎 𦣰 sơ xa

裡 𥪝 lý trong 是 沛 thị phải 當 皮 đương vừa 隄 垠 đê ngăn 免 𠬉 miễn khỏi 防 𪮏 phòng ngừa 患 𢢆 hoạn lo

妾 thiếp vợ bé 嫂 tẩu chị dâu 媵 dắng nàng hầu 妻 thê lại chong

嫡 ruệ con cả 次 thứ con dòng 無 vô trắng 偏 thiên mếch 薄 bạc mỏng 嫌 hiềm ngờ

舅 cữu cậu 妗 linh mồ 奉 phụng thờ 考 khảo cha 妣 tỉ mẹ 姬好 chẩn chữ đức bà

長 chưởng dài 少 thiếu trẻ 老 nảo nà 誼 nghị nghĩa 姻婭 nhân á thông gia 方 phương vừa

第六勸善

競 căng rìn 覺 nái biết 備 bị ngừa 戒 nái răn 佚 rất đắm 悛 thoan chừa 驕 kiêu ngạo

停 đình 一 壅 ủng lấp 蔽 tế che 良 lương lành 行 hạnh nết 儉 kiệm dè 安 an yên

懲 trừng răn 教 giáo dạy 勸 khuyên khuyên 忠 trung ngay 孝 hiếu thảo 信 tín tin 用 dụng dùng

正 chính ngay 直 chực thẳng 公 công xong 勤 cần siêng 慎 thận ghín 清 thanh chong 讓 nhường nhường

智 trí khôn 知 tri biết 道 đạo đường 休 hưu lành 丕 phi cả 尤 vưu càng 賜 tứ cho

第七士附文學

我 ngã ta 儒士 nho xĩ học chò 專 chuyên 一學 học 一思 tư lo 研 nghiên ngiền

ngại

案 檫 án sét 書 册 thư xách 燈 烟 đăng đèn 紙 帋 chỉ giấy 筆 筆 bút 一 硯 研 nghiễn nghiên 作 乡 tác làm

帙 捊 chất pho 卷 𢑴 cuyển cuốn 黷 岩 độc nhăm 經 莖 kinh chải 史 歷 sử lịch 諳 悁 am quen 踐 踏 tiễn rẫy

詩 詩 thi 一 賦 賦 phú 一 能 能 lăng hay 試 施 thí thi 舉 拮 cử cất 幸 埋 hạnh may 饒 𡗉 nhiêu nhiều

名 𠸜 danh tên 姓 户 tính họ 標 㯲 tiêu lêu 題 排 đề bài 榜 榜 bảng 一 懸 撩 huyền treo 黄 鐄 hoàng vàng

韆 播 tiên rai 馳 騒 chì ruổi 㑴 行 rật hăng 青 撐 thanh xanh 紫 紬 tử tía 榮 鼎 vinh sang 田 衛 hài vê

蓋 帙 cái dù 扇 𢵋 phiến quạt 遮 𠯆 già che 㚘 音兼 㚘 khiêm 一 墨 墨 mặc mực 碑 碑 bi bia 綿 𨱽 miên dài

功 功 công 一 磨琢 鏈埋 ma chát rũy mài 馨 𦞣 hinh thơm 顯 𦀎 hiển rệt 誰 埃 thùy ai 齊 𢈹 tề tây

第八農 附田器

談 盘 đàm bàn 事 役 xự việc 農 耕 lông cày 時 務 thời mùa 值 返 chị gặp 玆 𠸗 tị nay 餘 承 dư thừa

園 塡 viên vườn 田 𤳆 điền ruộng 初 𠸗 xổ xưa 耒 耕 lỗi cày 鐍 音菊 國 cúc cuốc 耜 𣛦 trỉ bừa 銚 阿 diêu a

鍤 埋 xạp mai 鍬 音秋 鍋 thu thuổng 播 𢷁 bá ra 欞 音江句 𢹾 耕孕 giang tuân cây rựng 欋鈀 音瞿巴 𣛦𦛠 cồ ba bừa lăm

鋁 音迢 鐮 xuyền liềm 銍 音至 鋂 trí hái 秉 拎 bỉnh cầm 斟 音居 箂 cừ gầu 柂 音移 掩 di lều 眠 𦛠 miên lằm 確 搉 xác mang

桔槔 策薩 cát cao gầu tát 張 扛 chương giang 艱難 苦辱 gian lan khó nhọc 恤傷 tuất thương 爾 眉 nhĩ mầy

耡 被 xừ bừa 耨 穮 lậu cấy 耕 ⿰耒其 canh cày 稼穡 穊拮 giá sắc cấy gặt 來 ⿰糸吏 lai lại 何 ⿰禾呈 hà xao

倦勞 痗辱 quyện lao mỏi nhọc 鑿 陶 tạc đào 畚 音本 ⿰木盤 bản dành 簣 ⿰禾矢 quĩ sạo 製 鑊 音策 鏤招 chế xào rổ quèo

豫 ⿱昌欠 dự sớm 晚 悶 vãn muộn 俱 調 câu điều 高 巢 cao xào 畝 畝 mẫu 一 愛 腰 ái yêu 連 連 liên liền

同 共 đồng cùng 熟 ⿰火今 thục chín 登 蓮 đăn lên 稚 音 穫 盃 割拮 trĩ hoạch cắt gặt 爰 紆 viên bèn 收 收 thu 一

稔 特務 lẫm được mùa 逸 風流 rật phong lưu 儲 滝 chứ đầy 積 閣 tích chứa 予 朱 dữ cho 盈 滝 doanh đầy

第九工 附工器

匠 署 tượng thợ 工 窖 công khéo 哉 台 tai thay 規 囷 qui khuôn 矩 ⿱艹尺 cũ thước 鏝 ⿰金悉 mạn bay 鉋 ⿰金覺 bào bào

鈐 音謙 ⿰木占 kiềm hàng 鍊 音速 鐲 tóc tục 刀 鉸 đao dao 篙 繩 ⿰糸爽 ⿰骨曹 đốc thằng giây tần 準 的 chuẩn đích 端 ⿰正 đoan ngay

鍴 音端 寬 đoan khoan 鏓 音双 鑱 錍 ⿰歹西 song thâm vồi tay 將 抗 tương đem 短 ⿰矢 đoản ngắn 長 ⿰長 chàng dài 度 ⿰扌度 độ đo

躬 ⿰身 [illegible] mình 豈 呵 khỉ há 憂 怞 ưu lo 賴 ⿰忄 lại nhờ 輩 衆 bối tứng 較 撈 hiệu xo 與 共 dữ cùng

堅 紖 kiên bền 巧 窖 xảo khéo 精 涓 tinh ròng 揄 撈 luân xeo 選 撰 tuyển chọn 任 用 nhậm dùng 隨 ⿰ tùy theo

鋸 鎖 cứ cưa 斧 鈽 phủ búa 柯 kha gừu 雕 điêu nhồi 斲 劉 trác đẽo 莅 調 tinh điều 做 tố lên

執 拎 chấp cầm 大 奇 đại cả 權 權 quiền 一 材 才 tài 一 堪 可 kham khá 稱 唱 xưng khen 藝 貌 nghệ nghề

第十商 附算數

商 thương buôn 貨 hóa của 歸 術 qui về 買 mãi mua 賣 半 mại bán 例 例 lệ 一 算 toán toan

息 利 tức lời 本 bản vốn 褒 唱 bao khen 從 tòng theo 末 mạt ngọn 間 間 dan 一 外 外 ngoại ngoài

併 tính gồm 壹 nhất một 二 nhị hai 三 巴 tam ba 四 tứ bốn 十 thập mười 五 ngũ năm

六 lục sáu 七 thất bảy 持 拎 trì cầm 八 bát tám 九 cửu chín 百 bách trăm 千 thiên nghìn

料 量 liệu lường 取 thủ lấy 償 thường đền 施 thi ra 倍 及 bội gấp 即 tức bèn 萬 vạn muôn

廉 liêm thẳng 帑 mão đẻ 悶 muộn buồn 之 chi đi 市 thị chợ 源 nguyên nguồn 過 quá qua

糴 音狄 địch đong nào 糶 音糶 thích bán ra 顧 đoái cố 斷 đoạn rất 少多 thiểu đa ít nhiều

交 giao chao 易 dịch đổi 均 調 quân điều 貪 貪 tham 一 物 vật của 追 chuy theo 籠 lung lồng

錙銖 tri thù tinh xát 毫 hào lông 釐 ly mảy 兩 lạng 一 錢 tiền đồng 斤 斤 cân 二

雙 堆 song đôi 隻 隻 chích chiếc 分 分 phân 一 伍 𠄼 ngũ lăm 什 𨒒 thập mười 索 綤 sách miên chuỗi lại

錠 塊 đĩnh khối 笏 鎴 hốt lén 鎰 梭 nật thoi 充 苔 sung đầy 足 𧷸 túc đủ 竟 耒 cánh rồi 奏 奏 tấu tâu

第十一身體臟腑

身 𨉞 thân mình 面 𩈘 diện mặt 首 頭 thủ đầu 額 胆 ngạch trán 髮 𩯀 phát tóc 鬚 𩅺 tu râu 笑 唭 tiếu cười

鼻 𪖫 tị mũi 目 相 mục mắt 瞳 眃 đồng người 皮 𦢞 bì da 口 𠱄 khẩu miệng 唇 𠴛 thần môi 頷 䪺 hạm cằm

陳 排 trần bày 勿 渚 vật chớ 謬 任 mậu nhầm 齒 𪘵 xỉ răng 舌 𦧜 thiệt lưỡi 齶 含 ngạc hàm 耳 聽 nhĩ tai

頰 音切 𩈖 khiếp má 頸 古 cảnh cổ 肩 𦠘 kiên vai 魁 梧 𤇪 𩈘 khôi ngô gọ mặt 孰 埃 thục ai 若 朋 nhược bằng

胸 𢚸 hung lòng 腹 膞 phúc bụng 背 𦡟 bối lưng 氣 𣱬 khí hơi 肉 䏧 nhục thịt 骨 昌 cốt xương 掌 盘 chưởng bàn

乳 𦟐 nhũ vú 腋 音易 肔 rịch lách 顏 顏 nhan 一 腎 腒 thận cật 肺 䏙 phế phổi 肝 肝 can gan 心 𢚸 tâm lòng

腸 𦛌 trang ruột 臍 𦟿 tề rốn 脇 胸 hiếp lưng 膽 𦢆 đởm mật 臂 梗 tí cánh 膂 蒙 điền mông 循 吝 tuần lần

指 𤓢 chỉ ngón 血 𧖱 huyết máu 筋 筋 cân gân 髀 𦛋 bễ vế 膝 蹭 tất gối 足 𧿆 túc chân 意 𢚸 ý lòng

咽 喉 吼 嗹 yết hầu họng rọng 毛 𣯡 mao lông 鬅 鬙 音朋會 鬔 鬖 bằng tăng hãng hại sác rãi 裏 𧳵 lí trong 表 外 biểu ngoài

髻 音髻 𩯀局 cục tóc soán 髟 音消 𩯀𨱽 thao tác rai 腰 腰 yêu lưng 髻 音芸 nghệ tóc 手 𢬣 thủ tay 妙 卒 diệu mầu

髭 鬚 tì dia 髫 鼻 khao mũi 鬚 鬚 tu râu 胃 囊 vị láng 脾 胵 tì lách 頂 頭 đỉnh đầu 脚 真 khước chân

躬 躬 cung mình 幾 余 kỷ mấy 鈞 斤 quân cân 泰 安 thái yên 健 𢘾 kiện khỏe 歡 欣 𢝙惆 hoan hân vui mừng

第十二人品

等 倫 等 đẳng luân đẳng bậc 云 浪 vân rằng 產 生 sản sinh 女 𡛔 nữ gái 嘗 曾 thường từng 男 𤳆 lam dai

賢 賢 hiền 一 俊 創 tuấn sáng 儔 類 chù loài 豪 傑 賢 才 hào kiệt hiền hồ 才 才 tài 一 擬 𢪀 nghĩ so

謀 謀 mưu 一 略 斫 lược trước 測 摸 trắc dò 英 雄 創 孟 anh hùng sáng mạnh 攔 都 siu đo 肖 賢 tiếu hiền

切 偲 近 技 thiết tư cận kề 鄰 音隣 仁 nhường nhân 朋 友 保 伴 bằng hữu bè bạn 底 𨖲 để lên 資 𢭸 tư nhờ

將 將 tướng 一 校 校 hiệu chao 竣 除 thoan chưa 癡 疗 xi ngây 童 稚 秋 疎 đồng chủ, chế thơ 愈 強 rũ càng

貞 𣦍 chinh ngay 窈 窕 妙 揚 yểu điệu rịu dàng 歎 酖 音模 㕦 劇 mô sức cục kịch 嫫 嫦 音美堂 卒 鮮 mĩ đường tốt tươi

耆 耆 进 kỳ sáu mươi 耄 𢆥 进 mạo chín mươi 期 頤 𡗶 𡻕 kỳ di trăm tuổi 養 𩛷 dưỡng nuôi 頻 連 tần liền

善 𢢆 thiện lành 強 猛 cường mạnh 弱 𢞂 nhược hèn 妍 卒 nghiên tốt 媸 醜 xi xấu 哲 賢 chiết hiền 愚 𤴬 ngu si

佞奸 linh gian 僥倖求埋 kiêu hãnh cầu may 肥腓 phì béo 瘦瘦 sấu gầy 閹宦官𥪝 yêm hoạn quan trong

爻爻 hào 一卦𧿆 quái quẻ 通通 thông 一卜筮則筭 bốc phệ bói toán 朦朧𩂀𩄲 mông lung mịt mùng

吉𠶓 cát lành 凶共 hung dữ 藉𠼦 tạ nhờ 官官 quan 一鬼鬼 quỉ 一疑㤇 nghi ngờ 諒信 lượng tin

讒𠵘 sàm rèm 附𢹣 phụ vén 攀𢪏 phan vin 姦奸 gian 一邪曲 tà vạy 願吀 nguyện xin 禦馭 ngự ngừa

羅音羅 纜 la nhiễu 狀狀 trạng 一詞詞 từ 一過音戈 唆嘆鄧 qua thoa hống động 答𠶋 đáp thưa 論盘 luận bàn

頑頸古 ngoan cứng cổ 妄乱單 vọng loạn đơn 囂音銀 訟𢬣乾 ngân tụng xẻ càn 駛爽 sĩ giáp 呆疗 ngốc ngâ̂y

嵜共䚮 hạ dữ dội 蒽㥕疗 chướng ngại ngây 嘍音麥羅 囉𠯪可 lâu la nhắm nhéo 嚕音盧臺 臺龐昂 lông đài phà ngang

魂塊 quỉ hồn 魄𩲡 phách 一香𩡌 hương thơm 巫音 覡扐骨 vu xích trăng cắt 妯音毒裴 娌𡛔童 mẫu tường bà đồng

慵稅 giong thuế 擡擔梗杠 đài đảm gánh gồng 嬉音避戲 戲吝閒 hi hí lần mần 惱懞吼嘍 nảo lùng dận rồ

遲𢓂 chì chầm 待代 đãi đợi 候除 hậu chờ 懶慵丙懒 nại dong biếng chễ 未渚 vị chưa 曾曾 tằng từng

使令差讉 xử linh sai khiến 承𠻵 thừa vâng 僮僕𡥵𠀧 đồng bộc thầy tớ 婢娘𡛔隊 tì lương con đòi

奴頻㐌於 lô tân đứa ở 臣碎 thần tôi 股肱𦟐𦛌 cổ quoằng vai vế 遵跡 tuân lối 志悉 chí lòng

誣 訏 vu 一 僞 咐 nguỵ rối 虛 空 hư không 嫉妬 㤝情 tật đố ghen ghét 蠢蒙 愧㜷 xuẩn mông nít mở

怨 恨 oán rận 猜忌 㖨㤿 sai kỵ tình ngờ 倜儻 仡渠 rịch thẳng ngất ngư 伶俐 午昂 linh lợi ngổ ngang

沽𤞻 撗渃 cô bường mua mức 行 行 hàng 一 顛狂 恍愧 điên cuồng hoảng rại 徜徉 音常羊 踸踔 thường dương dựa kề

黨 𢘝 đảng bè 匹 侶 thất lứa 偶 堆 ngẫu đôi 詭誕 咐詐 quỷ đản rối rá 諧詼 儔𥢆 hài khôi chơ vơ

鈍 群 độn nhụn 謗訕 㖒吱 báng sán rêm chê 狷介 物𢠩 quyến đối rặt mòn 滑稽 䏧儔 hoạt kê pha chò

樸 𥐇 phác ngay 鄙俚 圭務 bỉ lý quê mùa 狡險 浚毒 rảo hiểm sâu độc 矮侏 音㬥朱 𤃠𪘵 loại thụ thấp ngắn

鰥 音官 翁寡 quan ông hóa 寡 𡜵輪 quả hà son 孤 𤠄 cô côi 獨 没 độc một 存 群 tồn còn 憐 傷 lân thương

悵 怏 trướng thâm 跋扈 戎仍 bạt hỗ nhũng nhẵng 狼猧 毒共 lường oa độc ơ rử 不 庄 bất chẳng 温 和 ôn hòa

放 𠤆 phóng buông 惰 慄 lạ nhác 墜 沙 chụy xa 傾 迎 khuinh nghiêng 側 𠊚 trắc lệch 歌斜 覔偏 ca tà mếch thiên

廉 耻 liêm ngay 恥 虎 sỉ hổ 忘 悄 vong quên 婬娼 音淫倡 娣媛 dâm xướng đĩ thỏa 扭 捐 nữu quen 技 藝 kỹ nghệ

誤 悮 ngộ nhầm 拙 俸 chuyết vụng 陋 圭 lậu quê 諂諛 噂吭 siểm du ròn ngót 誚 吱 tiếu chê 遂 紉 toại bền

慳 𢘾 dan chen 貧 艱 bần nghèo 賤 慣 tiện hèn 囁嚅 音聶儒 嘆咏 nhiếp nhu nhấm nhéo 迍邅 䟄𨇒 chuân chiên nghèo nàn

刻薄 琵𠸦 khắc bạc sắt sai 殘 残 tàn 一暴 𠔭 bạo rữ 饑寒 餓烈 cơ hàn đói rét 吃 喈 hát nhai

吝 借 lận tiếc 借 嗄 tích mượn 貸 嗎 thải vay 乞丐 唹胃 khất cái ăn mày 傴僂 䀡桔 hú lâu quều gò

聱 𦖻 cổ mù 聾 的 tống tiếc 聜 音移 肔 di nhằm 喑啞 㕧 操 ốm á gaáat tháo 窺 䀹 khuy nom 記 𥱬 ký chi

勉 勸 miễn khuyên 見 覔 kiến thấy 聞 𦖑 văn nghe 哀傷 ai thương 毋 渚 vô chớ 矜誇 căng khoe 命 躺 mạnh mình

透 𢶢 thấu đổ 片 𠀲 phiến tấm 慈 𢚸 từ lành 幾 侯 cơ hầu 相 扶 tương rúp 虔誠 哏 信 kiền thành khấn tin

第十三宮室棟宇

樓 樓 lâu lầu 閣 閣 các 一臺 𡊨 đài đền 墀 墀 tê sân 仞 𨁪 nhận hậu 宇 堣 vũ lên 奠 安 điện an

闕 𨷯 闕 khuyết cửa 一闕 𨷯 閞 quan cửa 一高 高 cao 一弄 弄 lộng lông 般 班 ban 一重 重 chung 一

室 茹 thất nhà 壁 垍 bích vách 房 房 phòng 一戶 𨷯 hộ cửa 柱 楫 chụ cột 樑 𣘃 lương dường 榱 音衰 權 xuy duy

厦 再 hạ chái 廡 㕓 vũ mái 廂 回 tương hồi 肅 嚴 túc nghiêm 登 頓 𥪝 灰 hình đón hỏi 堂 茹 đường nhà

棟 𣘃 đòng dường 杙 音亦 几 giặc kệ 梢 音肖 蛇 tiêu đò 廷 亭 đình 一 版 板 bản nán 而 麻 nhi mà 嚴 嚴 nghiêm 一

鋪 鋪 phô 一 厂 音罕 㕓 hãn mái 堦 塘 dai thềm 限 垠 hạn ngần 門 𨷯 môn cửa 簾 𥱬 liêm diềm 穿 𠆳 xuyên thâu

遂 蘧廈 tại lá chái 檐 音簷 扦艚 chiên then đầu 藁牕 𥦃数 lưng song cửa sổ 侍朝 thị chầu 誇吟 khoa khoe

瓦塊 ngõa ngói 甎塔 chuyên gạch 椽梠 ruiện mè 檻楹 梠梼 hạm doanh cột dọc 櫨枅 音盧雞 斗重 lư kê đấu trùng

殿 墩 điện đền 榭 榭 tạ 一 宮 宮 cung 一 帡封 帡𡲈 bình phong chấn cánh 庸 用 dong dùng 掩 𢂞 yểm che

廦 墙 bích tường 圬 壓 ô vẽ 墁 𡑝 mạn lề 闈 𨷯 vi vây 閨 閫 房𦀊 khuê khổn buồng the 幛 幔 trướng màn

址 墿 chỉ nền 欄 楯 勾 蘭 lan thuẫn câu lơn 檻 櫑 音檻壘 𣘃便 hạm luỹ con tiện 櫰 栓 音宛全 扦其 hoàng toàn then cài

桷 梠𣘛 giốc cột góc 楣 幅 𢃇 mi liếc mé 屋脊 嵿𣛠 ốc tích đỉnh nóc 巷街 圻塘 hạng nhai ngõ đường

廬 芋 lư lều 舍 舖 xá, phố 肆 行 tứ hàng 亭 亭 đình 一 館 舘 quán 一 垣 墻 viên tường 聯 㭲 lạc xưa

楄 框 biển khuôn 棖 枹 tranh con thảo 希 疎 hi thưa 梲 藻 音拙早 梠桂 chuyết tảo cột chu 罘 罳 音不思 𥨣鐄 phầu tư mống mành

霤 音留 𣚾 lựu mang 枓 音斗 斗 đẩu đấu 釘 釘 đinh đanh 闉 闍 音因覩 塔城 yên đồ góc thành 灶 炒 táo bếp 䋈 䊷 phùng sau

圈 音權 𣗒 quyền sông 牢 戒 lao kép 槽 音曹 艚 tào tàu 柴 薪 𣛨檜 sài tân bó củi 油 𤀕 du dầu 許 朱 hứa cho

囷 音薫 梠 huân vựa 廩 庵 lẫm đùn 倉 庸 thương kho 庖 廚 茹爐 bào trù nhà bếp 慮 怙 lự lo 徵 湧 trưng rông

牖 𥦃数 dũ cửa sổ 窓 𥦃窓 song cửa 一 檜 櫅 音曾 柖𡍞 tầng sào dừng đồ 嘉 空 da không 呈 𡏨 trình chiềng

娛 ngu vui 好 hảo tốt 臧 tang lành 世 thế đời 處 於 sử ở 閑 音平 平 bình 康 康 khang —

第十四廟字

嵩 嵩 đống 一 棚 册 sách 一 庄 庄 canh 一 辟雍 學 bích ung nhà học 廟廊 miếu lang đền thờ

廠 sương 一 觀 觀 quán 一 寺 tự chùa 梵刹 字 phạm bác bến bụt 敬 kính thờ 供 恭 cung 一

杳 音 hiểu mỗ 幽 最 u tối 空 空 không 一 靈 linh thiêng 謹 見 cẩn ghín 情 [illegible] lòng 悦 信 thâm tin

祀 tự đem 祝 chúc khấn 請 嗔 thỉnh xin 祈 求 kỳ cầu 禱 祭 đảo tế 印 印 ấn 一 祠 từ thờ

惠 恩 huệ ơn 力 飭 lực sức 冥 minh mồ 添 添 thiêm thêm 嘏 福 hạ phúc 除 除 trừ 一 甾 災 tai 一

第十五車

車 車 xa xe 遣 譴 khiên khiến 差 差 sai 一 輅 車 lộ xe 輪 luân bánh 再 tái hai 圓 viên chòn

輜 車碾 chuy xe lăng 軺 車 chiêu xe con 駕 閣 giá gác 輓 掎 miễn kéo 軾 轅 栟 thức viên then nường

絪 nhận rầy 軔 軸 nhận trục 轂 cốc nỗng 軒 高 hiên cao 輊 濕 trí thấp 軹 塘 撟 車 chỉ đường kéo xe

輦 車奇 liễn xe cả 轎 車 kiệu xe tay 轈 音巢 車望敵 sào xe vọng địch 轚 音 車凭紒 khanh xe vững bền

軿 車貳 liền xe nhẹ 輞 音罔 車幔 vòng xe mấn 輦 車 liền xe 輗 軏 nghê suốt 櫺 乾 軒串 lồi kiền then ngang

第十六舟楫

舟 船 chu thuyền 欲 𢘾 dục muốn 艘 郎 độ sang 舳 音逐 俚 trục lái 艫 音盧 𣘃顆 lô nhón 彌 強 nỉ càng 碇 𥕄 đính leo

篙 巢 cao sào 舵 音它 俚 đà lái 棹 𢪀 chạo chèo 枹 檴 音浮曳 𦨭 俚 phù nhuệ tay lái 棨 榜 音罟 桐拎 tướng hiệu cục cầm

艞 舤 phàm buồm 檣 檟 sát cột 楫 尋 tiếp tấn 沉 冷 phiêm đênh 艘 隻 xiu chiếc 操 拎 thao cầm 捷 毛 tiệp mau

舷 音玄 𢬣 huyền đìa 艛 艘 音婁扒 船高 lâu bát thuyền cao 艋 音益 艗 ích mũi 艄 音梢 俚 tiêu lái 艚 艚 tào tàu 篷 𩄲 bồng mây

舠 音刀 船𦨭 đao thuyền nhỏ 艌 船趙 liêu thuyền giai 艨 艟 音蒙同 船戰 mông đồng thuyền chiến 艑 艖 音篇差 船𦨭 thiên sai thuyền co

艏 船蛒 túc thuyền cóc 舶 音伯 船蘇 bách 一 to 艬 艬 音禮標 船𣘃顆 lễ phiên 一 nhón 艙 艕 船行 luân du 一 hành

舸 艤 kha phà 艦 艫 hạm 艋 鏰 mạnh 一 mảnh 舠 舤 音兀屹 沖湼 ngộc ngật rung rinh 鉤 艇 音鋌 船鉤 câu đỉnh 一 câu

艫 音陵 𦁣 nồng của may 艞 音耀 棟𨆷 riệu cầu lội 艤 停 nghỉ đỉnh 撑 掿 sanh chở 撥 𢪀 bát chèo 泒 𢴑 uỉnh bơi

第十七食部

食 咹 thực ăn 嘗 唥 thường lếm 排 排 bài bày 兼 𦀼 kiêm gồm 計 計 kế kể 耽 醛 đam say 味 𡀯 vị mùi

THƯ VIỆN QUỐC GIA
R.1554
R.2462

膳 嗜 thiện ngon 甘 叭 cơm ngạt 旨 㗂 chỉ bùi 飯 粈 phạn cơm 餅 餅 bính bánh 粄 粄 xuy xôi 飴 糖 di đường

羹 羹 canh 一 粥 粥 chúc cháo 湯 湯 thang 一 餃餉 音交陶 粽滁 giao đào bột lọc 餂餳 音忝唐 粽吟 thiểm đường bột ngâm

麪 音面 粳 miến mến 糧 糮 𥹰 藍 đàm hạm chè nam 麤 音粗 蘇 thô tô 糲 音厲 飲 lệ hẩm 饕 音滔 貪 thao tham 粄 𥺹 bản nẫy

饋 音卷 餅 捲 quyển bánh cuốn 資 餅 齊 tư bánh dầy 粔 粔 音汝巨 㷉 饃 nhữ cự ngào nến 饘 糜 音旃眉 粘 烌 chiên mi cháo giữ

餁 其 吁 nhẫm cỗ nhấm 餖 音豆 圖 餘 đậu đồ dư 餕 音艾 灰 ngải hôi 醜 乘 xú thừa 餕 音唆 醜 thuẫn sẩu 饕 音折 饒 triết thừa

饝 音麻 餅 𤈜 ma bánh đúc 餡 音陷 餅 薸 đào bánh bèo 餢 飳 音斧托 餅 䊗 chai thác bánh dợm 荅 𠵩 thai nhều 膍 音慈 咹 tư ngon

糭 音色 蒸 bác chưng 餛 飩 音渾屯 餅 凡 hồn đồn bánh hờn 饆 饠 音必羅 餅 炟 tất la bánh nán 饋 音分 𤋾 phân sơn 羧 葉 hào mũi

糒 餅 糒 sức bánh lếp 餴 音分 洒 粄 phân sái xôi 米 粘 mễ gạo 粒 𥸷 lạp hạt 餌 𠲤 nhuy mồi 滋 添 tư thêm

餪 音愛 喑 loãn hú 膩 奴 nhị nèo 柔 楼 nhu mềm 糒 糙 thiên cám 糗 𥺌 sứ êm 占 沾 chiêm xem 似 象 tự dáng

糊 胡 hồ 一 粰 糤 音胡散 㷉 煬 hồ tán ngào rang 飣 豆 杜 捻 đinh đậu đỗ lắm 飴 糖 𥽌 芽 di đường mạch nha

糉 音宗 餅 餅 tống bánh quấn 餸 音葱 餅 胗 rang bánh đa 炒 煬 sao rang 灸 燒 cứu lồng 数 𠸠 sổ ra 沸 燼 phất sôi

餻 音高 餅 考 cao bánh khảo 糁 羹 焙 thẩm canh bồi 𥻵 糗 音摘束 粘 濕 trích thúc gạo rấp 粢 粄 xuy xôi 濆 若 độc nhắm

粱 糌𥺀 nương gạo trắng 糲 音賴 𥸷嘮 lai sồn sàm 餄 音洽 粒耕𢀨 hạp cơm cày ruộng 餉 粒𢀭塘 xướng cơm đi đường

饋 䢐粒 quĩ đựng cơm 餽 挑粮 quĩ mang lương 糙 音𡚝 粨 giao gạo 餐 餂 san bữa 館 行 quán hàng 粗 粗 thô —

餗 音束 粒糲 như cơm lếp 餱 音侯 粮枯 hầu lương khô 美 卒 mĩ tốt 饌 具 soạn cỗ 饈 饈 每圖 thức ăn mọi đồ

熬 燉 ngao — sào 煮 焠 chử lấu 脡 音征 胒 đình kho 脯 脯 bô nem 膾 腥 khoái gỏi 號 呼 hiệu hô 喫 噄 khiết ăn

臠 音鸞 舾胣 loan thịt lườn 胂 音身 舾𦟌 thân thịt thăn 牒 音牒 脼 điệp lách 膸 音妥 脝 thỏa phổi 紛 紛 縉排 phân — rối bời

胹 渟 nhi linh 腦 腥 não óc 鮮 鮮 tiên tươi 臡 音難 腩 lan lém 腌 音業 法 nghiệp pháp 腸 脰 bạc phì 膅 熷 tào — giao

膮 音豪 蔞𦧘 hao — râu lợn 膷 蔞牛 hương râu trâu 臛 音壑 潡 hác sáo 臗 脞 khoan căng 脂 膏 脂𦚐 chi cao mỡ — màng

餼 餼客 khái mâm khách 饌 具廊 cụ cỗ — làng 密 密 mật — 糖 糖 đường — 鹽 塩 diêm muối 齋 斋 chai chay

酸 朱 toan chua 苦 登 khổ đắng 辛 蓼 tân cay 辢 蘭舍声 呾 lạt hằng 澁 噴 sáp chát 饛 音蒙 苦 mông đầy 飫 飫 ứ lo

膜 音莫 舾𦟐 mạc thịt màng 腊 舾枯 thác thịt khô 胨 音栋 舾祭肉 tộ thịt tế nhục 餈 音答 圖 kíu đồ 庄 唁 canh ngon

胾 音戢 𦢳炟 chấp mỡ rán 腫 病 稱 sủng bệnh 腥 𤃡 tinh lanh 鹹 漫 hàm — mặn 嫩 嫩 lộn lon 了 未 liễu — rồi

粳 音穎 䊆 lại riềng 糷 糙 lạn cháo 遺 粿 rí rồi 𦝡 音柔 曲 胖 脿 nhu thúc ruột rồi 醢 舾 坶 朱 hải thịt muối chua

臛 音削 𫇭 hộc sáo 膰 音煩 䏋 祭餘 phiền thịt tế dư 醯 音希 醋 音錯 浸壐 hi thác tẩm rấp 爛 㷻 lạn hồ 醬 醬 tương 一

胖 音判 䏋片 phán thịt phiến 腴 音叟 曲昌 sưu khúc sưởng 膫 音料 炪 liệu đốt 胾 音其 割 mổ cắt 腔 腔 xoang xoang 臟 悉 tạng lòng

第十八飲部

麯 糆 khúc miến 酒 𨡎 tửu rượu 醲 㶶 lung lồng 酣 醛 cam say 飲 吀 ẩm uống 窮 窮 cùng 一 樂 𨢇 lạc vui

嘉 𫅷 gia lành 酢 答 tạc đáp 酬 迸 thù mời 醇 醪 𨡎 吼 一 thuần giao rượu ngọt 沮 頹 thư lầy 醉 醛 túy say

酶 糆 mai miến 釀 焞 nhưỡng lấy 醞 酸 uẩn gây 醵 給錢 𨡎 cự cấp tiền rượu 酺 排 吀 都 bô bày uống đua

酲 音呈 醛 trình say 酩 音茗 酊 音訂 屹 响 ứng đính gật gù 迷 迷 mê 一 醒 醒 tinh tỉnh 酤 摸 cô mua 擒 拎 cầm 一

醝 音差 𨡎 鼎 ta rượu trắng 酎 音肖 𨡎 沁 chụ rượu tăm 酴 酥 音徒蘇 𨡎 𤁕 đồ tô rượu nhạt 浸 吟 tẩm ngâm 酗 詹 hú hơm

膠 𨡎 dao theo 粕 音泊 粑 bạc bã 糟 tao đồm 斟 𨡎 châm theo 酌 津 chước rót 詹 詹 chiêm nhếm 茗 茶 minh chè

酡 音駝 醛 沢 đà say rấp 酾 醛 灘 nhiên say nhè 醴 𨡎 丐 吭 lễ liu cái ngọt 糯 音希移 酏 𥸷花 thi di cháo hoa

殷 盛 ân thịnh 普 泣 phổ thấp 遼 賒 liêu xa 茹 唼 như ăn 宴 宴 yến 一 婆 婆 呈長 ba xa thênh thang

第十九織紝帛布

絡 緈 lạc quoab 杓 音標 楷 phiêu khổ 繰 音纖 扛 sí rãu 梭 籬 thoa thoi 紾 音軫 捽 chẩn suất 杼 槔 扽 客 chữ hồng đồn long

複 音伏 翅 花 phục cánh hoa 機 丐 穹 cơ cái khung 襻 音幡 緣 phan go 軸 逐 trục 一 縛 音煩 悉 脾 籬 phiên lòng ruột thai

繢 音昔 摭 絁 tích chắp mối 紡 音仿 打 麦 phưởng đả gai 紝 繰 nhẫm giao 織 繺 sức rệt 艜 音族 排 tộc hãy 惌 尾 tứt rông

麻 麦 ma gai 葛 蓬 cát sổn 綿 尾 miên hông 綫 音棧 綫 sợi rây 繭 蜆 kiểu kén 纈 音景 浦 cảnh rông 綵 緦 ti tô

系 綖 hệ chải 棉 濂 miên uôm 遴 駗 lân lữa 縫 緾 phùng may 綴 緌 chuế lối 宜 於 nghi ưa 恒 常 hằng thường

纚 音施 纚 thi the 帛 縷 bạch lụa 詳 詳 tường 一 紬 紬 chừu sùi 綾 領 năng lĩnh 絹 繒 縷 羅 quiên tăng lụa là

毾 音毷 毹 毛 黹 蘇 lủy uải to 綵 紤 花 thái hện hoa 錦 繡 錦 紤 cẩm tú gấm vóc 緎 綖 塘 埋 vực đà đường may

絺 葛 絁 hi cát nhỏ 綌 音隙 葛 苦 khích cát rây 紟 繻 襖 絁 khâm rại áo nhỏ 絃 綀 撥 彈 huiền rây gảy đờng

纊 沔 quoáng mền 裌 夾 dợp 一 單 單 đơn 一 綺 羅 縷 錦 ỷ la lụa gấm 縕 苞 ổn gấu 褶 嚐 rị khen

練 縷 熔 luiện lụa lầu 緇 縷 顛 chi lụa đen 叚 割 đoạn cắt 疋 疕 thất tấm 帡 音其 弁 kỳ viền 繻 撣 nhu vê

紗 繞 sa nhiễu 縠 把 cốc vá 綃 纚 tiêu the 絧 絨 音同戎 黹 毦 đồng nhung vói nhỏ 弋 題 縷 蘇 giải tê lụa to

繐 音歲 黹 陳 tuế vải thưa 綀 音講 黹 麤 thúc vải thô 罽 毯 音計毯 刑 席 kế điềm nỉ tịch 氍 毹 音浧迮 袗 連 chú du chẩn điều

毳 音脆 毽錦 chúc lông gấm 氈 毽氊 chiên lông 一 氆氌 音榜羅 膨狢 hẳng la gia lộn 玄 顛 huyền đen 纁 紅 đồng hồng

縭 音離×× 搊摛絺 ly quai rếp 絮 洿芃 nhứ mền bông 毹 音門 春束毳 môn thung thúc đỏ 毹 音甬 毽木辣 nũng lâng mọc rài

紈 纏 hoàn sắc hiên 緈 紡 khiên sai 繅 綀 sào chài 緐 音盤 緐縷 繡帽 bàn anh dải mũ 衆 音誰 綏 thùy lái 環 鍑 hoàn vòng

綦 音忌 撐 kỵ sanh 縞 皀 cảo trắng 紅 紅 hồng 一 緊 縷藍椿 ế lụa nam thông 絭 音絹 繈扨栖 quiến chỉ deo tay

紵 音主 葛粗 chử cát thô 緆 緆 sồ sồ rây 循 繞 tuần nhiễu 緬 撒 nhữ cài 纓 綀 lĩ rây 箋 音仙 詞 tiên tổ

縑 縷蒙 kiêm lụa mỏng 緗 鐄嫌 tương vàng mỡ 繰 音草 灼 tảo đỗ 緦 音司 綸 tư quấn 糸 緦 ti tơ 韋 音寅 軼 chụ rài

第二十衣服黼黻

絛 音條 縧 điều rảo 冠 帽 quan mũ 帶 縢 đới dải 袍 襖默外 bào áo mặc ngoài 襦 襖默軸 nhu áo mặc chong

袗 襖顛 chẩn áo đen 褧 襖蒙 cảnh áo mảng 垂 撿 thùy dủ 衣 襖 y áo 聘 拸 sính dong 裳 群 thường quần

綬 緇 thụ thao 囊 褔 nang túi 巾 幓 cân khăn 裀 袗 nhận thẩm 襦 禫 nhục lệm 衢 襩 cũ chăn 帳 幔 trướng màn

帷 幄 幔幢 ruy ốc màn dũng 敥 班 ban 一 褪 音聰 壜 thông lền 袷 音夾 搊 cạp khép 袀 音灼 単 trước đơn 頭 頭 đầu 一

綠 襖良 ruiện áo lướng 袞 襖朝 cổn áo chiền 裘 襖羊裘 kữu áo dướng 一 褒 襖蘵栖 hao áo giộng tay

裯 襖單 chũ chăn đôn
被 襖䙡 bị chăn rấy
傲 慲 ngạo nhồn
袒裼 音昔 襖搓 đẩu tích áo soải
[illegible] 兑 cánh đoài

祗 音支 襖䌽 chỉ áo ngắn
袄 音黯 襖䟢 ảm áo rài
襜 音幨 幨 chiêm siêm
襘 音儈 襘 hội gối
紩 音身 䏣 thân đai
襺 絅 kiển áo mền

褪 音退 䜈呪 thoái mũi ngạt
褐 襖顛 cát áo đen
裾 音居 身 cư thân
衽 襪 nhẫm vạt
黑 顛 hắc đen
領 塲 lĩnh chàng

帽 音屯 掚 chuân tay đẩy
袋 褟挃 đại túi mang
帡幪 雯撫 tinh mông che phủ
褆襠 幢群 côn đương đũng quần

複 褘塲 phúc ruột tràng
襇 摟襖 rản sếp chăn
褸 䟢 ruệ rài
褰 援 kiển vén
襒 襖 cuết chăn
途 塘 đồ đường

襜 幨 iêm siêm
裁 割 tài cắt
製 量 chế lường
袼 訂 các đính
襟 照 khâm chiếu
襋 塲 cức chàng
袂 褔 cuết ống tay

衾 襖䌂 khâm chăn rộng
襆 包侯 bộc bao hầu
封 封 phong
一 袱 伏 phục bao phục
授 摔 thụ chao
幔 幔 mạn mãn

幕 幔邊 mạc màn gió
幃 幔單 vi màn đơn
幨 幭問邊 ẩm khăn vấn
帕 幭攢頭 tóe bạc khăn dắt đầu

幣 圖繆 tệ đồ lụa
幘 掀包 trách khăn bao
襭 紩掘 hiệt thắt quắt
帨 幭摔 thuế khăn lau
落 絡 nạc dời

帣 音卷 褟被 quiền túi bị
幐 褟蝳 đằng túi rết
帘 音占 旗店酼 chiêm cờ điếm rượu
帟 音易 𡱢亭幔 dịch đình màn

幞 雯 bộc che
纀帽 帽閉 nhu mạo mũ dân
褾 裹 nhiếp lát
襴 接 lan sếp
綦 幭 kỳ khăn
淑 㲳 thục lành

袈裟 補衲 gia xa bổ vá
幀 音爭 幀 tranh tranh
褙 襉 hăng tả
褓 褘 bẩu quoát
衿衽 襖襟 công chính áo chuôn

襓 襖鐃 nghiêu áo gươm 縚 結茷 thao hết lông 纏 幅幓蓬 cuống bức khăn bông 繞 音眈 塘䵊蹎 đam đường khuy chân

𥛭 幀 niệt chanh 綻 音京 綱 cảnh uống 紋 繩 vấn vấn 䙡 緝晃群 tích xếp con quần 帀 音匝 幅問昂 sấp bức vấn ngang

袖 襲𦝄 tụ ống tay 幝 帽塲 nhiếp nữ trang 䘩 襖默常 nhật áo mặc thường 襈 音塼 襖攕𢬣 bác áo vén tay

𧝓 襖蹽馭 quí oco uó ngửu 歟 爲 dư vậy 屧 蹀 lý rầy 跬 鞋 khuể hai 襏 襖 襖戔 bát thích áo tồi

籉 籛 biên tái 笠 籤 lạp lán 遊 制 du chơi 兗 音裔翁 褭 丐襖跱齋 nhuệ ông cái áo đứng chấy 褻 音琢 夜 trác sàa

袴 褲鼬 khoả khố lang 褮 音螢 襖胗 áanh áo già 襏 襖彈娶 ban áo đàng hà 襖 襖罰身 áo 一 sú thân

襊 茷 tối bông 纙 織 la chỉ 裙 群 quần 一 幨 各緶捽 kiệm lần mối suất 帑 音務 幭滄頭 mụ khăn gội đầu

帖 書 thiếp thư 緣 繞 duiên mền 𧜀 袍 uyên bao 服 默 phục mặc 襲 挹 tập học 串 收 quán sâu 坦 平 thản bình

拘 揞 câu ôm 負 隊 phụ đội 載 挓 tái mang 傷 傷 thương 一 襤褸 郎湯 nam lũ lang thang 窘 窮 quẩn cùng

弊 涅 tệ nát 裂 擓 liệt rạch 擯 𪚺 thấn dung 裎 裸 陳長 chình quả trênh trằng 衣 默 ý mặc 給 朱 cấp cho

襝 黔 khiêm lành 極 窒 cực rất 念 怗 liệm lo 衲 音納 襖柴廚 lạp áo sãi chùa 袀 音均 襖戎衣 quân áo nhung y

襯 襖禕 thấn áo lát 帢 帽尼 cáp mũ ly 紛紛 燐燐 phân 一 ngẫn ngẩn 裶裶 爤爤 phi 一 dần dan

衭咮𦁺 khiêm mũi chua 褚襖棺 chử áo quan 襚襖後事 tuy áo hậu sự 散散 tán tan 還術 hoàn về

第二十一寶玉

從金用金通 從玉用玉通

鑰須 thược bua 鎖課 toả khóa 匙𨦳 truỷ thìa 鍮鍮 thâu thau 錫鉳 tích thiếc 鉛鉐 duyên chì 鋼鍊 cương gang

鐵鉄 thiết sắt 銀鉑 ngân bạc 金鐄 kim vàng 硃𤎜 chu son 粉粉 phấn 一 鏡𨰹 kính gương 銅銅 đồng 一

鞄涅 phạm nát 鎔鑄 dong đúc 粹沖 tuý trong 釵釓 thoa khoanh 釧鎴 chỉ nhẫn 鐶鋑 hoàn vòng 鈿花 điền hoa

陡(音斗)𨩮 đẩu hâm 石砆 thạch đá 牙玡 nha lanh 釧鐷 xuyến vành 鑌色 sân sắc 革彤 cách gia 鈁搉 sức rềi

瑛創 anh sáng 玳瑁頿鍊 đại mại đồi mồi 珊瑚玉䋵 san hô ngọc đỏ 瓊瑰玉紅 cuỳnh ngôi ngọc hồng

琥珀玉源枝椿 hổ phách ngọc dựa cây thông 瑛璜玉砆 anh hản ngọc đú 玦鉠少追 cuyết vòng thiếu bên

璣瑱 cơ sành 瑨璲 chiêm soi 瑄璿 tuyên nhẹ 瓐璘玉碧 lư lân ngọc biếc 琠璠玉切 điển phan ngọc đeo

瑹珠 độ châu 玉瑋 ngọc thật 擲招 trịnh reo 璪琁 toả giao 瑾瑰 cận vân 璹 thọ 球 cầu 琳 lâm 琅 lương

珖 quang 玕 thiên 琮 tôn 璻 suý 璜 hoàng 瑺 đang 瑀 vũ 瑍 nhuễn 珩 hành 瑨 tấn 玹 huyền 瑝 hoàng 瑬 nhừng 瑜 du

璧 bích 瑱 chân 璽印 tỉ ấn 斑符 khâu khù 琨琚砆剣 côn cư đá nhỏ 碔砆砆牢 vũ phu đá mầu

瑒 chướng 琠 điển 瑔 tiền 琜 luân 琞 linh 珓 dao 瑪瑙 碼字 mã não đá hạt 玲珧 蛇渠 hợp diệu sà cừ

瓆 王蟜 lân ngọc chai 瑡 王師 sư ngọc sứ 閃爍 烑烁 thiểm thước nhấp nháng 璟 cảnh 琚 cư 琺 nhĩ 瑅 đề

鉑 鐄鑵 bạc vàng lá 鋏 韓䌫 hiệp hàn the 鑄 鷩 chú đúc 鍌 浸 ốc lắm 琉璃 玉場 lưu ly ngọc chàng

第二十二器皿

几 尉 kỷ ghế 席 詔 tịch chiếu 床 樣 sàng giường 凳 寺 đắng đẳng 架 擱 giá gác 梯 湯 thê thang 棧 栈 tiền vạc

簃 苦董 ri nhà rọc 筵 煕連 duiên chiếu biển 簣 蒲 cũi lồ 榻 榙 tháp chấp 棚 枊 bằng sàn 竿 勤 can cần

杖 丐 秬 chàng cài gậy 衡 丐 斤 hành cái cân 箈笆 音垂通 筑 箩 thúy độn thúng mủng 篓 箕 tầu dần 篩 笓 sư sề

箕 筬 cơ thúng 臼 檜 cữu cối 杵 耕 chử chày 磴碓 音凱对 檜 磅 khải đối cối đá 杈 槎 thoa say 揎 扵 dc cần

碴 踏 đạp giằn 檮 揆 đảo rọt 舂 扰 thung đâm 篚 簹辰 餧蚕 khi lồng luồi tằm 籔 笹 鄧 欸 số giá dụng sồi

勺 鎞 thược gáo 箸 笽 chử đũa 匕 棋 chủy muỗi 鬲 餡 lại chảo 鬥 鉞 đỉnh vạc 鍋 功 oa lồi 鐺 樽 đang sanh

瓻 超 hi siêu 瓿 藍 bầu âm 瓶 屏 bình 一 隄 甏 đề be 盆 珤 bồn chậu 墰 音談 堤 đàm chum 甓 墻 tích ấm

爐 燽 lô lò 盔 鉢 thôi bát 盤 欙 bàn mâm 盍 堰 hựu âu 用 燈 rung chỉnh 釜 槎 音尋 尉 埔 phủ tầm nồi hông

甈 𤭛一 thùng thâu 甌 坮 âu châu 畚 坒 cái ung 甕 㼜 ung ống 堝 堁 cuồng hái 罌 音英 㧓 anh cong 盂 𧊉 vu vò

簋 篕 𠹲棋 phủ quĩ chén gốc 壺 胡 hồ 一 汚 樽 撲呸 ô tôn hốc aiống 籩 蒲 lễ hồ 笥 𥯒 tư đai

籬 杫 tư tăm 梢 𥯂 掛哉 tiêu lúc ngáu sai 匜 𨪝 táp vong 椀 檜 chẩu gấi 塵 埃 培紅 chần ai bụi hồng

箔 𥷲 bạc lồm 熏 篝 𥯒衡 huân câu lồng sông 鑑 𨨧 rốm gương 寶 珢 bẩu bấu 窖 篓 khung không 彈 彈 đàn 一

笨 𥳂粗 hẩu rổ thô 盒 籠盤 hộp lồng bàn 瓢 瓢 hiều bầu 簞 𥷾 đan đổ 贅 𢍰 錡𦬑 chỉ biên uông quẩy

梳 𣃤𨁫 lìu lưới thưa 筢 𣃤𨁺 tí liếc rẩy 針 金 châm kim 剪 割 tiền cắt 弦 纏 huyền dây 籭 𢃱 ly sàng

筥 𥵛𠸣 cử rổ chộn 筐 𥵛舫 phuông rổ vuông 笈 扱 cập cặp 篋 𥳂 khắp sếp 箱 霜 tương sương 簏 蒲 lộc bồ

籧 篨 𥳂篓單粗 cừ chư niếp nía đan thô 笇 箵 𥵛舭 hành đường niếp tấm 装 奩 果垠 trang âu quả ngăn

監 祜 rám soi 壘 音雷 𠹲 椹 雲 lôi chến chạm vân 盨 音額 㔶 đối âu 堞 埣 điệp bệ 盂 音子 盤 nghiệt bàn 笛 𥱬 phúc lồng 子盂

盝 音祿 瓢 lộc bầu 鉶 鉢 hình bát 缸 㧓 dang cong 瓺 𡓇 khang be 盃 𠹲 chôi chén 桶 椿 rưng thông 甌 音恰 包 ri bao 瓯

簦 𢂰𥺁 đăng dù tay 簾 蹻髙 tỉ guốc cao 簇 蒲 tung hồ 簾 𦬑 chíu gièo 箣 箅 riêm rào 籍 栓 tịch thìn

簌 籠 lô lồng 磁 𥕄南針 từ đá nam châm 籭 音胡 撼 hồ vôt 笠 笈 lạp lập 箖 蔺 tong lồm 篼 篭 đâu lồng

籆筯 ỷ gảo 簁篩 tỉ dế 筦柊 súng chồng 䉼甁 nhân bình 觴戰 tràng chén 甑埘 tắng ung 礪埋 lệ mai

秤斤 bình cân 緘縷縤緞 dam lũ thên lối 箹蚕槌醠 sô bàn dặt nướu 箹綂撟船 lạp giây keo thuiền

𥰅篭 âu lồng 窂壚 tịnh hố 欄囷 lan khuôn 兕觥戰蠃 hủy quang chén nhọn 盂盤 quả bàn 鏞鍾 dong chung

杠椛梗 giang đòn gánh 篁甕柊 lát ống chống 扊扅翅𨶹 riềm ri cánh cửa 櫟橦 kiệt đòng 剝扮 bác chia

簦車坦 liễn xe dất 簑綱栲 dâu võng che 鑕鈽 chất búa 機撌 cở chai 筏䈂 phiệt bè 矢䇶 thỉ tên

笞檑 suy dọi 錋甕錢 trung ống tiền 簨笆籽糙 áo gía vo gạo 籂綀䩬 ngự rây lủng

搗擣 đảo tán 簸栖 phả sây 叩紩 khấn dàng 鏌釨鏌䥈 mạc vu mác nhỏ 鑪錫刀鉋 lô, thẳng giao bầu

第二十三樂器

濮樂仆 bộc nhạc 一 韶韶樂 thiều nhạc 一 鍾𨭎 trung chuông 鼓𪔠 cổ chống 缶銷 phữ tiêu 竽鑊 vu kèn

鑵鐳 sạc dùi 鐸㭿 đạc mõ 鈥鍔 sao mèn 鐃寸 nhiêu la 鈸拔 bạt 一 鍜煉 đoán dền 鉦鉦 chinh chiêng

瑟彈瑟 sắt đàn 一 箏彈爭 tranh đàn 一 笳嗝 già cài 笛卷 địch sáo 笙生 sinh 一 簧黃 hoàng 一

筑筀 chúc sênh 尺𡱆 xích thước 咫𠯦 chỉ gang 𥵛𢢽 ngoạn nhồn 讀讀 độc dọc 遞郎 đệ sang 鞭韘 rau nghèo

簫 卷 tiêu sáo 管 嚾 quản ống 桃 桃 đào — 柷敔 椇贔 chúc ngữ mõ, nhốn 鞞鞀 鈹搥 tì đào chống đôi

舞 𢬣 vũ múa 畫 𦘧 hoa vẽ 照 熌 chiếu soi 磬 慶 khánh — 篪 卷 hồ sáo 塤 𩆐 khuên còi 鎁 邪 da —

和 和 hoà — 吹 𠻀 suy thổi 謠 歌 giao ca 笙 軸 chụ chục 楱 𥱬 lê phiêm 琵琶 彈胡 tì bà đàng hồ

第二十四軍器

鑯 銃 tiêm súng 槊 教 sáo giao 簍 蒲 lâu bồ 韉韂 蘿𨫊 tiên sàm lá sì 器 圖 khí đồ 箭 𥐇 tiên tên

枏 岩 kiềm dam 靮 𥂯 đích lêm 鞍 焉 yên — 寨 綀絣 chại chấp ràng lua 构孿 杠棋 câu loan gông cùm

梃 檑 đỉnh roi 盾 木 thuẫn mộc 劍 鐮 kiếm gươm 弧 弓 hồ cung 毵 禫 tham sam 䩟軜 銨竅 cuiết lạp vòng khuy

弓 弓 cung — 弩 櫓 lô lổ 梁 碑 khoá bia 旌旗 旗旐 tinh kỳ cờ chiện 旄旄 角聰 mao nghê đốc gù

啣 㖫 chàm vâng 令 令 lạnh — 鏤 鏤 lâu — 兜鍪 帽戰 đâu trình mũ triện 牌殳 銅矛 tưởng phủ đòng mâu

矛 教 mâu giao 鉞 鉞 việt vớt 鉤 鉤 câu — 鋒鏑 鏑刃 phong trích mũi nhọn 錡錸 鈽花 ỷ cầu búa hoa

槍 教鎗 xưởng giao giai 戟 教沙 chấp giao xo 鎧 甲 khải ráp 矟 教 sóc giao 干戈 摶銅 can qua mác đòng

鞬 補鎌 kiện bỏ gươm 韊 𥌮弓 lan túi cung 砲 銃 phao súng 礮 礮 đê đạn 兵戎 軍圖 binh nhung quân đồ

槃音𢯏 模木 khế áo mộc 匣補數 hộp lâu 瘡痍 sang gi dấu vết 崎嶇跋埄 khi khu gập ghềnh

鞁鞄音彼仆 羅座 bỉ bộc lá lọa 影形 ảnh hình 彎續綱叩 bí dây cuồng khấn 鞮縈蹎蹬 đề oanh chân thùng

榥擂 côn rơi 櫓木 lỗ mộc 角鮫 rốt sừng 鐲鉦 thúc chiêng 鼙敲 bề chống 阻攩 chở gàn 臬碑 nghiệt bia

燭𤎕 chúc đuốc 炬爐 cự lến 捧𢯏 phủng hửng 碏凡硋焰 dai hòn đá lửa 煤炱裴未 môi đài mùi hôi

礮砲令 pháo ống lệnh 撻打擂 thát đánh roi 勝特 thắng được 造𠯦 tạo rủng [illegible]瑰瘧迷 nguiên khôi mải mê

砦寨 chọi 一棚栖 sách rậu 依伊 y 一須臾之 tú du phút chốc 羇羈杠棋 cỗ mi gông ràm

第二十五網罟

篭橙 hố đăng 笱𥰊 cẩu đó 筌篇 thuyền bổm 鉤鈎 điếu câu 篾軫 miệt chắn 罧𥫱 lâm đầm 罶籚 lữu lồ

籤削 tiên tước 簞箱 đan rổ 籔𥵗 hẩm hom 網罟紂𥾘 vỏng cỗ chài lưới 撒漁掟紂 tản ngư vẩy chài

羅音羅 𥾘絡 la lưới lớn 罘𥾘狳 màn lưới dứ 罍音雷 𥾘挟魁 lôi lưới quét rái 罻𥾘打𫜳 úy lưới đánh chim

罨𥾘拋 yểm lưới phao 罭𥾘沉 quặt lưới chìm 罜箱 chủ dọ 䍡篢 lộc cọc 綨桱 kiềm kìm 罛圍 cô vây

罝𥾘 ta lưới 兜罾緉簸 thỏ tăng nó bè 𦊓紂 thiên chài 罹𥾘 cháo giáp 罟罘𥾘駝 phâu đề lưới sắn

罺 圍 sào vây 罜 紼 dinh vé 牧 禛 mục chăn 壓 𢭸 捲 𢮿 áp bén theo dầu 罷 𥠷 扒 𩵜 bỉ rỏ bắt tôm

第二十六舉動

率 𢪏 suất đem 赳赳 歆歆 cả 一 hănh 一 射 𢏑 sa bắn 斬 㓸 chặm chém 刺 𢪏 thúc đâm 郤 𢫶 khước ràng

捉 扲 chóc cầm 捕 扒 bô bắt 縱 𠰺 túng buông 征伐 打𢶢 trinh phạt đánh rẹp 劻勷 𨁪扶 khuông tương rúp phù

爭 争 tranh 一 佐 𨁪 tá rúp 虞 怙 ngu lo 恁 音矛 𢠩 mâu nhao 克 特 khắc được 敗 收 bại thua 危 𢣂 nguy nghèo

戰 打 chiến đánh 逐 跙 trục đuổc 噪 嘹 táu reo 伏 𠌥 phục lép 伺 迍 tì đón 投 招 đầu gieo 偵 侱 trinh tiềng

覘 䀡 chuân sem 閒 𡨧 khả giường 競 争 cạnh tranh 遜 讓 tốn nhường 罰 罰 phạt 一 刑 刑 hình 一 靡 庄 mỉ chẳng

去 遙 khứ đi 返 吏 phản lại 徂 郎 tồ sang 鏗鏘 噹咣 khanh lưởng sổng soảng 翺翔 翺翔 cao lường liệng bay

攄 𦓿 lô da 割 割 cát cắt 搖 捄 giao lay 骶 𢚸 lột uốn 反 阻 phản dở 旋 𨀈 toàn xoay 廻 術 hồi về

耐 消 lại quen 諭掖 𠰺喚 rụ rịch rủ rỉ 銳 刃 nhuệ nhọn 輕 貳 khinh nhẹ 透迤 𨶛孤 uy đà quanh co

繁 𢢆 phiền nhiễu 劇 𦂛 kịch nối 紆 圩 vu vò 綢繆 綀綫 chù mâu dằng dịt 疲瘏 痗蚕 bì đồ mỏi mệt

怛 傷 đát thương 塗炭 淋嘆 đồ thán lầm than 韜鈐 斫冉 thao kiềm luộc nhiêm 削刪 扶除 tước san quét chùi

惟 duy lưu 縮 sú rút 𩨨承 roanh thừa 優 從且 ưu du thong thả 舒徐 寬台 thư từ khoan thai

㛮 恒 hí hằng 伴奐 清台 phán hoán thanh thơi 戲詑 㮚昭 hí ngược cất nhiều 醻 迎 thù mời 献 𤼸 hiến dâng

完全 hoàn tuyền chọn vẹn 於 烝 ư chưng 瑩 o-ánh óng 潔 thiết sạch 澈澄 中 triệt chừng lặng trong

飛 phi bay 擺脫 bãi thoát nẩy vùng 矍鑠 quắc thước nhanh mạnh 謙冲 敬 khiêm xung kính gì

顰 tần ngần 語 呐 nói lời 譏 cơ chê 慇懃 ân cần nhắn bó 提撕 đề tê nắn rờ

諾 於 nặc ừ 唯 duy dạ 厭 yếm no 奔走 bôn tẩu lối chạy 踟蹰 trì trù đứng ngần

讎 殊 thù hằn 恨 恨 hận rộn 嘆 戾 thán than 驅 對 khu đuổi 掃 扶 tảo quét 難 難 nan nàn 衝 衝 xung sông

西 方西 tây phương 一東 方東 đông 一二南 南 nam 一北 北 bắc 一共 窮 cộng cùng 悰 慍 tôn vui

識 記 tri ghi 言 呐 ngôn nói 笑 唭 tiếu cười 臥 𦣰 ngọa nằm 立 lập đứng 坐 tọa ngồi 行 hành đi

拜 bái lạy 興 hưng dậy 爲 爲 vị làm 退 thối lui 就 細 tựu tới 跪 quị quì 進 𤼸 tiến dâng

餞 tiễn đưa 迎 nghinh rước 賀 hạ mừng 踊躍 dũng dược nhảy nhót 沸騰 phí đằng sôi sao

招 chiêu vời 示 thị bảo 募 mộ chào 諠譁 huyên hoa đồn rì 混 hỗn hào lẫn đua

只 丕 chỉ vậy 詢 嗨 tuân hỏi 贈 朱 tặng cho 叮嚀 近伎 đinh linh cận kể 号 奴 hu lo 嘹 盤 liêu rang

僅 根 cận năng 推奬 讓𤽗 suy tưởng nhường khen 吐 咆 thổ già 吞 訥 thôn nuốt 狎 𢠩 hiệp nhờn 哨 嘹 tiêu deo

嘲 朝 chào 一喚 喒 hoán gọi 呼 嘺 hô kêu 密 日 một nhật 細 𦁻 tế nhỏ 輕僄 吩讓 khinh diêu nhẹ nhường

㖨 嘹 ngược deo 婷嫋 妙揚 đình liễu vịn dàng 逍遥 董閒 tiêu giao thủng đỉnh 昴藏 傍爐 ngang tàng hững lờ

誅 誅 chu 一勅 㔓 tiễu riết 迸逐 tống thia 非 丕 phi chẳng 至 旦 chí đến 丘墟 埬埔 khâu khư đống cồn

奠 信 tuân tin 靜 浪 tĩnh vặng 鬧 嘈 náo ồn 敫 排 dương bày 祕 冉 bí nhiệm 諳 坤 âm khôn 召 𠸜 chiêu vời

儕 類 sài loài 伉儷 侶𠌩 kháng lệ lứa đôi 佩刁 bội deo 㧯 攢 quai nắt 抹 搵 mạt bôi 揹 撰 miên vốn

妾 𡚦 tử hầu 幸 發 khong phát 旅 𢢂 chang nhôn 妖嬌 弄了 yêu kiều lẳng lẻo 便儇 卒鮮 tiện hoàn 𤼸 tươi

㑃 根 làng nhồng 哯 喨 hoản mỉm 嫣 㑃 yên tươi 卣 尊 rượu tôn 結 結 kết kết 諧 諧 hài hài 緣 緣 duyên duyên

擎 擂 kình nâng 推 把 thôi giẫy 認 聰 nhận nhận 蹁躚 嗡緊 thiên khuyên nhẩy nhót 褊褼 㙮耶 biên thiên gấu áo

掎 根 ỷ nương 捐 突 woạ đót 衝 坡 xung pha 嫵媚 𡢐邁 vũ mị mặn mà 系華 𢹣年 thái hoa vẻ màu

各 調 các điều 櫛沐 剃油 chất mộc chải râu 呻吟 嘆議 ngâm thân than ngợi 逍遥 踊扛 đại tiêu dùng dằng

真 寔 chân thật 贋 假 nhạn giả 否 庄 phủ chẳng 崚嶒 嶒嶝 lăng tằng lỗ chỗ 超騰 趒弋 siêu đằng vượt qua

胥 調 tư điều 侈 拱 xỉ giỏ 奢 奢 xa 一 燦爛 炷爀 sán lạn sặp sỡ 嵳峩 蒫𡋂 xa nga rập rềnh

湓 電 gầm tuổi 駿雲 秦韻 ái đại tấn vân 歪辨 音㗂 掟行 oa biện xềnh hàng 急緩 急毛 cấp hoãn kíp mau

峻嚴 tuấn nghiêm 咿嚘 喴嚀 y ồ ồn ờ 倉卒 倍急 thảng thốt vội kíp 咆哮 叫喏 bào hao thét hầm

諶 信 thầm tin 叱咤 吷吟 sất xá há ngâm 吧呀 立嗒 ba nha gầm gạp 呢喃 迭調 ly nan rất rìu

干 紊 vu chuẩn 嘔喨 攢招 khu hú rắt reo 嚾喈 嚶喂 ung dai ành ỏi 囃嘈 嘈吶 tạp tào sôn sao

要 求 yêu cầu 諫諍 奈干 dán tránh lại can 說 吶 thuyết nói 誑 咐 cuống rối 嗟嘆 嗟嘆 ta thán 誓逝 thề thốt

句 勾 cú câu 誦 讀 lụng đọc 誌 㙮 chí ghi 訓 吪 huấn rầy 誨 保 hối hảo 誇 誇 khoa 一 謂 浪 vị rằng

訶 㗗 kha trách 脊訾 箕量 nạc sỉ toan bảng 課 科 khóa khoa 訂 正 đính chính 訛 光 ngoa quang 邪 𠁑 tà vạy

詎 詐 cự há 謾 咐 man rối 謇 𡗶 kiển ngay 湼酉 奇𩬞 cũ du cả nhấy 嬰孩 被提 anh hài chẻ con

罔 庄 vuống chẳng 毀 𤇮 huỷ lát 刊 刪 san môn 註 編 dú biên 詁 吪 hỗ rầy 討論 論盤 thảo luận luận bàn

對 㗂 đối thưa 訪 晦 phỏng hỏi 吁 嘆 hu than 寬弘 𢬣待 khoan hoằng rộng rãi 嶒峞 𦹵重 toàn ngoan chắp chùng

譚 京 kháng tiếng 話 呐 phải nói 公 中 cũng chung 諺 𠯇 nghe nhời 圭 王 khuê ngọc 讃 共 là cùng 筭 𦀊 hoáng lo

憑 根 bằng lường 訾 嗜 thế ví 鮮 𡍢 hẩu đồ 慷 慨 驕 兢 khẳng khái kiêu căng 怡 愉 順 和 di du thuận hoà

評 鑑 bình bàn 櫚 福 寔 他 nhồi lúc thúc thà 警 𠿯 cảnh răn 訊 鞫 㖞 查 tấu các hỏi cha 村 量 thốn lường

凡 譋 phàm điều 忍 㤇 nhẫn nhịn 齎 𢭲 tề mang 㥦 忙 倍 徨 hung mang vội vàng 恾 恍 mang hoảng 忽 悄 hốt quên

諼 㥈 viên quên 怜 敆 cấp kính 恂 信 tuân tín 衷 悉 trung lòng 性 姓 tính 一 盬 紩 cỗ kếu 関 𨔈 ống qua

悏 奇 khoái cả 宏 𢜠 hoăng rộng 悠 𨖲 giu xa 憾 渚 㦖 意 hám chửa đẹp ý 慊 渚 平 悉 hiềm chửa hằng lòng

寄 𠴓 ký gửi 旣 㐌 ký đã 蕒 蒙 kỳ mong 必 乙 tất ắt 遭 逢 𠶜 𢱎 tao phùng gặp gỡ 疇 𩂟 đảo chè

讔 登 tung đăng 循 撫 撫 𢭲 tuần phủ vỗ về 憲 法 hiến phép 禮 礼 lễ 一 儀 儀 nghi 一 該 𩂟 cai gồm

揣 摧 chuy dò 蒲 伏 堪 𨉓 bồ bặc khom lom 輔 弼 𦀊 剳 phụ bật kíp rập 刈 芟 劉 除 nghe sâm cắt dứt

擠 𢶢 tễ nén 摸 擦 摸 𢴑 mô thác rờ sờ 暗 最 ám tối 贖 𧸝 đái mà 很 𢠩 典 𠫅 ngoan cố rất chóng

剬 𢶢 đắt răn 懈 怠 雉 長 lai đãi trễ tràng 打 𢭂 đả đánh 破 𤾓 phá vỡ 攔 𢵪 nan gan 疏 通 sơ thông

忤 傎 意 ngỗ chái ý 悅 𢞂 悉 duyệt đẹp lòng 鬱 悶 𤺻 𢞂 uất bứt rứt khó lòng 捍 孟 hãn mạnh 驍 令 kiêu lành

謎 吶意 mê nói ý 訵 四 憎情 tứ tố tình 奮潑 跑弋 phấn khích nhảy qua 芽萌 㭲株 nha manh mầm chồi

戀悁 quiến quen 顧 兑 cối đoái 媒 媒 môi mối 一 胚胎 胊腊 phôi thai chửa nghén 根荄 芤淜 căn cai rễ rang

羞 虎 tu hổ 愧怍 𢣂春 quí tạc thẹn thùng 惶恐 驚𢣂 hoàng khủng hãi hùng 懼 悖 cụ sợ 愍 傷 mẫn thương

瑞 恬 thuỵ đềm 恠異 遲恙 quái dị lạ nhường 炫燿 批界 huyền diệu chấp chói 熀煌 㦾收 côn hoàng rạng thân

擅 専 thiện chuyên 憮 憮 phủ 一 扦 求 thiên cầu 恙 怗 giạng lo 病 病 bệnh 一 痊瘳 安冷 thuyên liêu yên lành

渭 滝渭 vị sông 一 涇 滝涇 kinh sông 一 炳彪 𤈜𤇮 bính bưu sáng lẫng 峥嵘 埊重 tranh vanh chập chùng

裒 定厚 đôn thục hậu 恕 椎悉 thứ suy lòng 懟 卒 mâu 㥝 慧 創 tuệ sáng 敏 通 mẫn thông 把 扲 bả cầm

浹洽 潭潤 thiếp hợp thấm nhuần 滑 湍 lư giầm 諶 浪 thẩm ràng 涌 沚 rủng chảy 湮 𬇚 nhân giầm 洌 冲 liệt trong

澳 𣾼 áo sâu 漲 氾 trướng rể 淺 農 thiển nông 瀠 渃各鋑 loan nước xoáy vòng 灘 渃沚毛 lan nước chảy mau

泓 冲倅 hoằng trong suốt 湜 冲渝 thực trong thâu 滴 溪渃沚 đích khe nước chảy 滄 牟渃樺 thương màu nước xanh

涸 泔 hạt cạn 歃 溺 suyết húp 迴 跪 hồi quanh 徘徊 農沒 bồi hồi lông lỗi 酕醒 瘦車 mao tinh đấu xa

擿 撟 trích kéo 搔 扯 tao nậy 搽 抲 tôn doà 痒痾 瘖疴 tường kha ngứa ngấy 欷歔 哭𠻃 hi hư sụt sùi

謏(音謏)吧弋 súc rây qua 快吟嗁 sướng ngâm ngùi 換掛 hoán đổi 戰搩 chấp rẹp 訖来 hất rồi 定安 định yên

須班 ban 一 詔詔 chiếu 一 宣宣 tuyên 一 赦他 xá tha 罪罪 tội 一 違愆[illegible] ui khiên lỗi nhầm

溥䕯 phổ rộng 漸漬瀋淫 tiệm tí thấm giầm 光明創爛 quang minh sáng láng 御臨治位 ngự lâm trị vì

順順 thuận 一 振弋 trấn giặt 衰衰 xuy 一 磅礴䕯待 bàng bạc rộng rãi 雍熙瀋和 ung hi thắm hòa

苟𠰃油 cẩu vi dù 漸寅夜 tiệm dần dà 悼傷 điệu thương 遑倍 hoàng vội 幺麼(音彫麻)[illegible] điệu ma bé hèn

巡𨀈巡 tuần đi 一 戍侍邊 thú dữ ven 章章 chương 一 裴[illegible] bùi vẻ 幅幁边坡 bức viền bên bờ

惇厚 đôn hậu 憤[illegible] phẫn rận 怩泥 lật lề 可汗[illegible] khả ô vua giợ 月氏渃牢 nhục chi nước lào

盟誓 minh thề 約券 ước khoán 締交 đế dao 魏 ngụy 秦 tần 宋 tống 楚 sở 魯 lỗ 曹 tào 趙 chiệu 梁 lưởng

洛滝洛 lạc sông 一 湘滝湘 tương sông 一 殷殷 ân 一 漢漢 hán 一 唐唐 đường 一 邶 bối 鄘 dong

鄗坦鄗 cảo đất 一 酆坦酆 phong đất 一 鄭 trịnh 异(音貽) di 衛 vệ 洎 kỵ 鄡 kiêu 灉 ung 櫻 anh 韓 hàn

民民 dân 一 兵另 binh lính 從 tùng 官 quan 獄 nhạc 牧 mục 豎 thụ 宦 hoạn 官官 quan 一 羲 hi 和 hòa

府府 phủ 一 縣縣 huyện 一 衙 nha 座 tọa 闉 nân 荏 nhẫm 淅 tích 越 việt 嵬峨[illegible] ngôi pha bãi rừng

吳 ngô 剞 giao 軻 kha 蜀 thục 陑 nhi 鄫 tằng 淮 hoài 濟 tế 晋 tấn 秭 tủng 豉 khải 滕 đằng 餮 thiết 醢 mân

淯 滝淯 uổ đông 一 溱 滝溱 trăn đông 一 滄 thằng 淄 tri 洙 thù 泗 tứ 邯 hàn 鄲 đan 汧 kiên 汶 vấn

嵩 嵩高 tung lúi cao 汾 滝汾 phần sông 一 滹 hô 沱 đà 粵 việt 莒 cử 鄒 châu 郇 tuân 檜 cối 淇 kỳ

沫 滝沫 mạt sông 一 沂 滝沂 nghi sông 一 王 vương 侯 hầu 伯 bá 爵 tước 澎 bành 邳 bi 汜 tỷ 漳 chương

兖 卅衮 ruiên chủ 一 羌 羐羌 khương gió 一 肯 調 dai điều 拱 扱 ủng cấp 梯 航 擨撩 thê hang uiột nèo

貢 𡉈 cống dâng 項 等 hạng đẳng 胡 䠒 hồ gedo 景 cảnh 枚 mai 郭 quách 鄧 đặng 阮 nguyên 陶 đào 潘 phan 姚 diêu

隗 khối 余 dư 蔚 uý 蓟 kế 范 phạm 蓼 liễu 婁 lâu 刁 điêu 薛 tiết 邵 thiệu 段 đoàn 晁 diêu 鄂 ngạc 瞿 cồ

孟 mạnh 曾 tăng 尹 doãn 蔡 sái 岑 sầm 胡 hồ 邴 bính 剡 diễm 浣 thẩm 蒯 khoái 藺 lận 蒲 bồ 龐 bàng 荀 tuân

卞 biện 任 nhậm 禹 vũ 鄔 ô 蔣 tưởng 閔 mẫn 郟 hạp 郤 khước 酈 lịch 聶 nhiếp 杭 hàng 欒 loan 郝 hách 鮑 bào

賁 bí 巴 ba 政 chánh 令 linh 焦 tiêu 淆 hào 那 虛 na chẳng 屈 拙 khuất 一 喬 喬 kiều 一 煩 煩 phiền 一

甯 ninh 葺 vi 賈 giả 芮 nhuế 郗 hi 袁 viên 程 塘 trình đường 步 跐 bộ bước 宓 安 bật yên 戭 陀 diên đà

倪 緶俚 nghê mối lái 闞 體賒 khám trông xa 孔 明 khổng ông 竇 答 dậu đáp 杜 媧 đỗ oa 董 檮 đổng thân

黎 lê thứ dân 壽 𡘯数 thọ sống lâu 司 伺 tư rữ 易 易 dị 一 歐 歐 âu 一 詹 詹 thiềm 一

尙 群 thượng còn 昌 盛 xương thịnh 龔 嚴 cung nghiêm 簿籍 数册 bạ tịch sổ sách 閭閻 𨷯廊 lư diêm cửa làng

匡 扶 khuông phù 氏 户 thị họ 侶 行 lữ hàng 郁郁 焐焐 úc úc rỡ 一 洋洋 盈盈 dương 一 duềnh 一

萃 合 tụy hợp 羿 羿 nghệ 一 邢 邢 hình 一 翟 翟 突突 địch 一 đột 一 彭 彭 悲悲 bành 一 bồi 一

季 次 卒 quí thứ tốt 仲 排 䏰 trọng hãy vai 謫 責 trích trách 撮 撰 toát dọn 都 吱 đô đua 遂 音大 塘 đạo đường

擢 拮 trạc cất 接 𢵩 tiếp lối 控 杠 khống giang 搕 抱 hoành ấp 揉 揔 nhụ uốn 揆 量 quĩ lường 撲 𢱎 bộc va

悔 咳嗨 hối ăn năn 譖 謟 坡 chấm rèm pha 曉 燆 hiểu tỏ 諭 保 dụ bảo 砌磋 磔磄 thiết tha cứa mài

改 掛 cải đổi 撤 撰 triệt rọn 遷 移 thiên giời 抗 擫 kháng chống 折 撴 chiết bẻ 戾 乖 lệ quai 債 咻 trái nhầm

盜 盬 đạo trộm 寇 掬 khấu cướp 擥 擥 lãm lam 許 朱 hứa cho 訐 告 hự cáo 諶 譫 呐 咨 thầm thiêm lói dong

諂 𠼷 叙 yếm ra mặt 譙 麦 𪙝 triều lằng trống 瘵 熙 sát sét 脣 創 nuế sáng 通 通 thông 一 搜 尋 xưu tầm

捽 擽 tạo chào 摘 扣 trích nhặt 錯 嗏 thác nhầm 滲漏 氾 遇 thẩm biện rễ quá 漓淋 淫 夷 lâm ly dầm dìa

協 同 hiệp đồng 咈 咈 phất bất 兪 吹 du nhe 瀞濯 燥 灘 cấu trạc ráo rẻ 濛 澌 涵 嚏 mông tể xải phun

痛 thấu đau 憚 憚 đau sợ 墜 truy luân 憊 thoại mỏi 癢 rang ngứa 煩 惱 phiền buồn 悲 傷 bi thương

輝 huy sáng 彰 chương trước rõ ràng 鹵莽 lỗ mãng sơ sóc 蒼茫 撐 茂 sương mang sanh rù

勘 查 khám tra 獄 獄 ngục 一 囚 囚 tù 一 睥睨 bễ nghễ gấp ghé 覬覦 khê du nhìn nhè

詈 sí thinh 罵 mạ mắng 嗟 sụy chê 決 決 quyết 一 斷 斷 đoạn 一 辭 từ khước 訐 查 phó tra

縛 nhục chói 摑 quắc đánh 繹 他 thích tha 遁逃 並 争 độn đào trốn tránh 銷磨 tiêu ma tiêu mòn

摟 擒 lâu kéo 擁 抱 ủng cấp 催 thôi rồn 赫奕 hách dịch tỏ rỡ 噩渾 浪 荒 ngạc hồn lăng nghiêm

求 尋 cầu tìm 濡 洗 hệ thấm 淹 沉 yêm chìm 受 thụ chịu 質 定 chất thật 閱 視 duyệt xem 徵 trưng vời

亂 乱 loạn 一 敵 賊 địch giặc 止 chỉ thôi 須俄 之 thoáng nga Đây nhất 陪參 bồi tham rập dính

姐 tát lang 卿 thanh ạ 郎 私 lang trong 綣繾 quyến khiển in trước 彷徨 bàng hoàng vơi mê

瀦浮 chư phù trên dưới 拔 bạt nghễ 拂拭 phất thức vẩy quét 趑趄 tư thư nhảy rừng

慕 mộ mến 向 細 hướng tới 凝 凝 ngưng 一 滔滔 氾氾 thao rẩy 一 凌凌 lăng nắng dao 一

嫁 giá gả 娶 thú lấy 媾 交 cấu giao 優 於 ưu hơn 劣 liệt kém 朕 trẫm tao 汝 nhữ mày

應 應 ứng ưng 配 聘 phối sánh 且 丕 thả và 妊娠 胎 脤 nhâm thần thai nghén 孕胎 慢 僩 rựng thui nạn hòn

植 撞 thực đồng 紹 綴 thiệu lài 因 因 nhân 一 詵 詵 練 練 sân 一 rây rây 祳 振 洶 洌 chân 一 ào 一

集 森 tập sum 聚 合 tụ hợp 奚 罹 hề sao 嚣 嘵 嘵 hiêu 一 ong óng 𪐴 𪐴 嗢 嗢 lao 一 ư ư

燃 燒 焻 炪 nhiên liên lửa đốt 熅 燻 huân hun 焚 炪 phần đốt 炎 烴 viêm dây 喧 嗢 huyên ồi 焰 衝 diễm ảnh

熱 爈 nhiệt nóng 爆 烴 bạo cháy 燥 爙 táo tồng 熳 爊 ồi lan 熯 炟 thán sáng 熾 烘 xí hồng 爐 光 lúc quang

灰 㶴 khói đo 烟 熄 yên khói 熗 焻 tân hằng 烈 猛 liệt mãnh 炘 烱 烴 熩 hên quính cháy chường 氛 氛 phân 一

熒 怳 焬 huỳnh nhấp nhánh 熔 靚 燐 đân lổ vâng 焠 焠 tuí 一 熄 燃 tắt lửa 熹 焄 𠯦 𢾾 cảo huân ngạt ngào

利 利 lợi 一 劃 破 hoạch phá 耗 耗 hao hao 損 入 費 并 phí tổn 擾 騷 繇 嗢 nhiễu tao rầi ồn

蕾 稽 洞 唯 miêu rệ rang rồi 昆 昆 côn 一 聯 連 liên liền 屬 屡 thuộc lũ 遁 蕃 蕃 滇 thực phồn phứa phan

舊 猶 thịu cũ 新 買 tân mới 圍 塀 ngữ ngang 暢 通 xướng thông 曠 穢 khoáng ráng 潺 湲 冲 漕 sản viên chao rao

皇 肅 hoàng múa 晃 濛 hoảng rạng 閬 高 lãng cao 歧 梟 kỳ bèo 第 次 đệ thứ 罛 䢼 埃 坡 hoàn giao cõi bờ

第二十七時令干支

晢 𤎏 triết sáng 早 𣋽 tảo sớm 旰 音幹 hẵn chưa 旬 旬 tuần 一 節 節 tiết 一 適 皮 thích vừa 中 中 trung 一

春 春 xuân 一 夏 夏 hạ 一 冬 冬 đông 一 秋 秋 thâu 一 臘 臘 lạp chạp 偕 同 dai đồng 年 𢆥 niên năm

陽 氣陽 dương khí 一 陰 氣陰 âm khí 一 晦 最 hối tối 霪 淫 dâm 一 左 右 tả hữu huông keo

夕 𣋁 tịch hôm 旦 𣋽 đán sớm 晡 朝 bô chiều 昱 音浴 光 rực quang 舜 舜 thuấn 一 堯 堯 nghiêu 一 豪 hạo dài

暉 光 huy quang 暄 暖 huyên ấm 曦 hi bay 昊 𡗶 夏 hạo giời nắng hạ 旻 𡗶 務 秋 mân giời mùa thâu

晶 光 tinh quang 昧 最 muội tối 熒 quỳnh lòe 旭 烓 烓 húc lên chói 一 歲 過 𢆥 穷 tuế trâu năm cùng

昕 東 ngẩ rạng đông 昕 東 hân rạng đông 暾 暾 diễu 一 dang dạng 燼 燼 trung 一 hây 一

暌 khuê bóng sế 昶 音敞 時 sưởng rạ ngày 晹 戲 𡗶 dường hé mặt giời 皎 陂 hiệu rạng mặt đáng

朝 𣋽 chiêu sớm 暮 最 mộ tối 昇 升 thăng 一 闌 xiên mỗi 幹 檜 cán cỗi 應 應 ứng 一 枝 梗 chi cành

甲 giáp 乙 ất 戊 mậu 己 kỷ 丙 bính 丁 đinh 壬 nhâm 癸 quí 子 tí 丑 sửu 卯 mão 庚 canh 午 ngọ 寅 dần

巳 tị 未 vị 酉 dậu 亥 hợi 戌 tuất 申 thân 兌 đoài 坎 khảm 震 chấn 巽 tốn 艮 cấn 辛 tân 離 ly 辰 thìn

第二十八雜戲

第二十九初族

會 hội 合 hợp 由 du 甲 ráp 求 cầu 錢 tiền 跑跌 打勿 bao trật đánh vật 鞦韆 都嫽 thân thiên đưa reo

管甲 裌 quan ráp kẹp 妸娘 頭 hú lường đầu 角抵 摦撟 rái để co kéo 仇球 迡騍 kìu cầu sinh dong

牌 排 bì bài 腰鼓 尋芘 yêu cổ tầm vông 覺 đầu 錢 tiền 到 đáo 火 hỏa 架 繞 gia hông 拳 權 quiền 一

合 合 hợp 一 踘蹴 打𢂞 cúc súc đánh quần 猢猻 路猖 hồ tôn chồ khỉ 藏闇 唱蜍 tàng yểm hát thồ

傀儡 路緺 ổi lỗi chồ rối 挈 lê vồ 賭博 打泊 đổ bác đánh 奕棊 棋盤 riêng kỳ cờ bàn

鳳 鴎鳳 phượng chim 一 鸞 鴎鸞 loang chim 一 鴨 越 áp vịt 鵝 鴉 nga ngỗng 鵁 鵁 giao ngan 鷄 鷄 kê gà

鵲 客 thước khách 鷓鴣 多多 chá cô đa đa 雀 鵂 thước sẻ 鴉 鵜 nha vẹt 烏 鵝 ô qua 鷁 鵳 ích giang

鶖 鵝 vạc cò 鸛 鵝 cổ vạc 鷸 鶵 dường 一 鸝 丐扎娘 ly cây chàng làng 梟 丐离离 phù cây le 一

鷗 鴎鷄 âu chim két 鶺 折茶 tích trích chòe 鵜 丐濡皮 thê cái chài bè 鵰 丐逢挣 quắt phung tranh

鵑 鴎國 quiên chim cuốc 鴨 黃英 huỳnh hoàng anh 鷮 giao 鶨 sô 鵠 hộc 鷉 (音堆) đôi 鷰 鷰 oanh 一 鴻 鴻 hồng 一

鷖 鶺 (音同益) ích 鶒 ô 鸅 (音澤) 鸕 農 trạch hồ lông 鸍 (音施) 丐鴎谷 thi cái chim cốc 鶚 鴎 hạt công 禽 禽 cầm 一

鴿 蒲鴿 cáp bồ câu 鶉 𩿠鶩 bột đâm đấm 鴇 音保 羅鳴鵃 hảu là chim éu 鴳 鳴屋油 uyên chim ốc dầu

鳴 鳴 minh kêu 鶺鴒 蒲泆 tích linh bồ chấu 載鵃 嘲咹 tái châu chèo bẻo 鴽鶉 音婦 媒豹 sáo phụ mồi sai

鷙 鳩 thụ rế 鶱翥 翻飛 khiên chử liệng bay 鶴 鶴 hạc 一 雉 雉 chĩ 一 鵜 來 lai 一 鵬 平 bằng 一

鷩 鳴吻 liệt chim hét 鵽 鵃梭 đằng gà ừng 鴝鵒 鳴鵲 câu rực chim tiên 鷹 鷹 ưng 一 鳶 鷗 diên hâu

鵖鴔 乒鵃 bi bức cái cú 鴞 鷗 hào hâu 鷂鷭 鳴句 chỉ nhiên chim kứ 班鳩 落壓 ban kin bồm nướng

鷙 鳴劄 tứ chim cắt 鸇 鳴亶 chiên chim 一 鶉 蒲勾嘅 thuần bồ câu gẫy 翁鴨 散䩮 phân nhân bán bay

鷽 鳴余 ốc chim dứ 鷩 鵃雷 miết gà gấy 燕 蠊 yến 一 鴜 柴 chủy mỏ 尾 䳣 vĩ đuôi 鳿 鳿 con 一

鷂鷄 便便 tiêu liêu tiện 一 鶬 彈 nhân đàn 鸚鵡 鳴鸚 anh vũ chim vẹt 鶼鶼 禽其 khiêm man gầm gỳ

鶯鶯 堆乒 uyên ương đôi cây 題 希 đề hi 鶡鴿 鳴鵲 hạt cát chim khuốc 鼠 句 鼹 鼠 câu kê chuột con

鶗鴂 領領 hạn sảng mảnh 一 鷯 音爵 鵩 kuốc non 鷮 鳴則个 ốc chim bói cá 鷸 音聿 鳴麗 thủy chim về dòm

鴯 鳴鶬 tứ chim ngói 鷙 捻料 cốc lấm cóm 鷲 鳴鵬 tựu chim bằng nhớn 鸛 鳴鳳 quán chim nhuộng nũng

鷤鴂 鵃淌 chuồng cù sa muốc 曰 浪 viết rằng 鷫鷞 音勝陀 農江 thắng đa lông ngỗng 鴪鵪 音暫 vẳng tinh tất rồi

第三十毛族

狖 𪃿 vú fông 爪 㕚 chao mong 豢 餧 hoạn nuôi 牛 𤙭 nghiu châu 馬 馭 mả ngựa 象 𤢿 tuộng voi 猫 㹨 miêu mèo

猿 𤠄 viên vượn 猴 𤠳 hầu khỉ 豹 𧳟 báo beo 虎 𧲫 hổ hùm 狗 𤞼 cẩu chó 貂 貂 thiêu — 貔 𤟢 lì —

猪 𤞼 chư lớn 狐 猎 hồ cáo 羊 羝 dương dê 驢 驴 lư lừa 橦 犠 đồng nghé 犢 㹲 độc mê 甚 强 thậm càng

麀 㹠 hưu chuột cái 麝 㺧香 xạ cầy hương 猩猩 𤠄 tinh — người dũng 狒狒 𢀭𡊰 phất — đối ai

麞 𤞻 chương mèo 熊 𤠳 hùng dâu 麋 音蕭 𤞽 huân lòi 騧驪 馭燕 oa ly ngựa yến 駑駘 馭慣 lô thai ngựa hèn

騟 馭𦄂 du ngựa tía 騩 馭顛 quỉ ngựa đen 騏驥 馭猛 kỳ ký ngựa mạnh 馴 悁 tuần quen 廄 𣛠 kíu lầu

馮 毛 bằng mau 騑騝 馭𤠳 phi nghê ngựa heo 騢 馭附桃 hà ngựa phụ đào 驄 馭猫香 thông ngựa mèo hương

騋 馭𡲈 lai ngựa tắc 驁 馭𩨀 ngạo ngựa chướng 驔驙 馭𠸗 đàm chiên ngựa trắng 騰驤 馭𩦓 đằng tương ngựa nồng

騜 馭淡 hoàng ngựa đạm 騂 馭紅 tinh ngựa hồng 驍驍 教教 dần — giảo — 駒驣 馭𡥵 câu đồng ngựa con

駥 馭𡲈 nhung ngựa tắc 駰 馭𩧍 nhân ngựa mõn 駽 馭皇𦽰 quinh ngựa trắng lải 跨踄 騎圩 khóa sàn cởi ua

馹驛 合馭 nhật rịch hai ngựa 亭 đình 鋪 phô 駟 馭𦊚具 tứ ngựa bốn cỗ 騶虞 𤝞 sô ngu thú lành

騅 馭𦀊 trung ngựa tía 驓 五鳴 tạo ngũ miên 騍 驒 馭𡛔 quả lát ngựa nái 騟 騬 馭竜 lư cối ngựa lồng

騮 馭潘 lưu ngựa thắm 驋 馭毛 tuấn ngựa mau 驊 馭錦紅 hoa cẩm hồng 驠 馭鼻𣛠 yên ngựa trắng son

驎 馭錦 lân dâm gấm 駣 馭𣈜 đào ngựa con 騵 馭鼻𢵻 nguyên ngựa trắng bụng 貍 狌 𤞻𤞻 ly xinh dai dai

驖 馭𣻆 hàm ngựa nhai 駓 馭豺 phi ngựa tồi 狠 豺 狵獳 lang sài nông nuôi 封 狶 狢棱 phong hi lợn rừng

馧 狢倚 ôn lợn ỷ 貉 貘香 lạc cây hương 駸 馭趍塘 sâm ngựa đi đường 驂 馭𢷮車 tham ngựa kéo xe

㹎 𤙭𡍢 dư châu trắng 犕 犕𤚇 bị bò hoe 麠 音京 麟 kinh lân 豕 狢 thỉ lợn 駝 它 đà 一 麢 𤠍 hươu lười

鹿 㹟 lộc hiêu 蝙蝠 𧋆蝀 liên khúc con dơi 牡 特 mẫu đực 牝 丐𡚦 tẫn cái 獰 𠱓呐蠍 linh nhồi lớn đơn

豵 狢丐 chó lợn cái 羜 羝𢷮 chửi lễ con 獼 猹 nhố khỉ 鼯 狨 ngô chuột 䶂 音鉄 𧿨待畑 rích con dải đen

犤 音惟 𤙭𡍢 khôi châu trắng 犛 音文 𤙭顛 gras châu đen 牷 𤙭顛全 toàn châu đen tuyền 豵 狢没䣛 tung lợn một năm

哞 嘜 lao ống 吠 哏 nhệ cắn 嘯 喀 khiếu gầm 犴 丐 dan cái 牣 音仞 特 kìu đực 寖 𦧘 tẩm lầm 畜 犊 súc chăn

犨 𤙭𢷮 mân châu kéo 犢 𤙭𤚵 đảo châu lăn 犆 牸 𤙭𤘬 nhân tử châu nái 豜 豶 狢翁 nghiên phần lợn ông

鼹 狨𤙭 yến chuột chù 鼯 狨同 ngô chuột đồng 獺 獭 lại dái 鼠 狨 thử chuột 獸 𤞻 thú muông 獱 連 tân liên

獐貓 chương mèo 蝟猬 vị dím 豭狁 ái săn 獅仔 獴㝢 xư hủ mương rù 麒麟獸 kỳ lân thú lành

犀西角 tê 一 rốc 鼉駁柸 ốc ngựa 麝麅 trêu linh câu chuất nhất 獮 hổ kinh hỏi hùng

犇跂 bôn chạy 狡鸚 phiêu đuổi 鶖 ư rong 獬豸 dai dai 猱 mông rù 猨獼 quyên dong thú rừng

驟急 sậu cấp 蹢躅 sách bố mong dàn 羆猎 bì gấu 犬狂 khuyển chó 羺羊 sam nham chấp hùng

第三十一食鱗

龜蛐 quy rùa 魚个 ngư cá 龍蟯 long dông 蛟蟯固 giao dông có vẩy 虬竜空 cù dông không sừng

鯽鱝 个尚強 lâm hoang con cá thuồng luồng 鯪个蟯蟯 linh cá dông 一 鰐个翁 ngạc cá ông vai

鱝个 phùn cá đuối 鯉丁 trí cá mòi 鯖 thanh xiên 鯉鰂 lý chép 鮻 tuấn chài 魴 phùi nè

鱧个果 lễ cá quả 鮈个溪 ảo cá he 鮒 phó đô 鯽 tức riếc 鱮 tể chê 鱕 phiên mũi

鰣个烓 thì cá cháy 鯀个 lại cá khoai 鮥 cách lịch cá rạch 鱒 tôn chày 鱔 lu chim

鯶个顛 ti cá đen 鰒个 trích cá kìm 鰞鰂个墨 ô tặc cá mực 鱣鮪个鱣 chiên hữu cá chiên

鯊 xa vưng cát 鱷个 dư cá hồn 鮫鯊个 giao ngư cá đao 鱅鰱个淋 dung niên cá chầm

蠏蜥 dải cua 鳹鯷 nhân tép 鰕魭 hà tôm 蜞蟛丐蟣 kỳ bành cáy cáy 蠗蛘蟛教 địch cam liên ngao

蛤蠐 cáp chai 螺星 loa ốc 蚕蛟 chân giao 鰷鰊个郁 lộc đông cá úc 鰑鰭个鰐 thang kiều cá măng

鰊个潦 ơi cá nhão 鮻个鱵 mống cá măng 鯖鯦 kỳ ve 鱗鯷 lân vẩy 魴坊 [illegible] 一 鰍鰔 cam dầm

鱸 鯂 lô cá vược 鱝 音復 丐杉 hâu cái xam 鰫鮑丐蠔 nhục bào cá lù 喁噞 吹鯹 ngung nghiêm ngớp ngáp

鯑个淪 xan cá bạc 鰱个鐄 lép cá vàng 鰻鱺鐵鯦 man lê thiết lình 鮎梗 chiêm ngạnh 蚣蛛 công dảo

鯶个劊 hỗn cá diếc 鰱个鮮 tiên cá trôi 鰣鰀 anh vớc 鰭鱸 kỳ nấm 鯖鰺 tanh mùi 鱠鰕 du vện

五千字 四十八

鰷个鯡 dư cá mương 鰈 音屧 蘭班 thớp thờn bơn 鰻鯦 man dưa 蝤蛑 du nam 鰱鰱 liên lác 鰻鯉 chiến 一

白鱓 bạch thiện nhệch 鰭个介 duật cá cần 鰫鰼 dong nhông 羅黙 liêu mác 綠罠 經陀 thái dâu lưới ỏa 一

鱉蟖 miết giải 鼋 音兒麻 鼍巴巴 nghê ma ba ba 龜丐奇陀 đà cáy kỳ đà 鼇 音敖 蟾 ngao giải 黿蟠 nguyên đầu

蛙蟚 oa bén 蜆蟢 hiện hến 蠼蟣 tấn dận 鯢倪 nghê 一 鰍鰍 tiểu thiểu 鯤鯤 côn 一 鯨琼 kình 一

鰷沌 điều nhẫn 魛个冷美 đao cá lành canh 蟋蟀 tất gia 蠩蟧 ... 蟐蟐 bình sành 蜮蛛 hàm sò

蝷杏 tập tôm 螺蠃 蚌蚌 quả thoả to vo 蝆蝽 bạn chai 蠻蟒 lộc cóc 鮬鮬 老閑 kiện khô lão nhàn

蛇蛯 sá xía 蝍丐㕣長 biết cáy giả tràng 蛉丐水潼 luân cáy chảo chàng 廣蠙 quang nông 潯㳄 tầm sâu

第三十二昆蟲

螭离 ly 一 蛇蛒 xà giấn 蟲蟆 trùng sâu 蜘蛛丐蝒 chu thù cáy nện 蠐螬屋䔧 tề tào ốc đá

蠶屑 tằm tằm 蛹蜆 nhũng kén 蛾蛶 nga ngài 蚨丐撞眉 thu cáy trăng mi 蝥丐班苗 mâu cáy ban miêu

蝗丐蟯 hoàng cáy chấu 螽丐蝗 mâu cá cào 螂螳螂驳 long tường bọ ngựa 螈蛸蟒蛛 khang liêu chuồn

蠶蛐 sắt dân 蚯蚓丐蠍 khâu dẫn cáy dun 蜻蛉蟒蛛 thanh liệt chuồn 一 蜎丐蔞梘 cát cáy sâu dâu

蠹蠍 đố mọt 阜螽蝗蝗 phụ chung cào 一 蝴蝶蚨蝶 hồ điệp bướm bướm 蠑螈螃蜆 lộc đao chấu con

蚴音幼 蟒蔬 ả ổ ong lằn 螢蟒衆 phom ng lon 蜈蚣丐蟉 ngô công cáy rết 蚕蛹蜆虫 quiện con dừng dùng

蛭蚳 điệt đỉa 蛣蜣蝍卤 cát khương bọ hung 蛉虰 linh vò 蟻蜆 nghĩ kiến 蜂螉 phong ong 蠅蛛 nằng ruồi

蠍諱歇 (ấ) dấn 蠶組音須 蟒衍 nhiên bung vòi voi 蚊蟒 văn muỗi 蛆蛛 đát ruồi 蚜丐哺吁 nhuệ cáy bọ dưa

蟹䖃醫 mại ong vế 蠖蟆 mục sâu đo 蟾蜍丐蟒 thiềm thừ cáy cóc 蝦蟆丐扲 hà mô cáy nhăng

蝸蠟 oa ốc 螻蟈影 lâu quốc ỉnh ương 蝌蚪蟒蛛 khoa đẩu lòng lọc 蜩螗蠕 điêu tường ve sầu

蝰蛫 蠜 khuê cóc kia 蟓 蟵唭 lôi bọ cầy 蜉蝣 壳蟡 phù du sâu ve 蠕蛭 lôi giời 蟬 蟡 thiền ve

蟋蟀 𧋆蟀 lất suất con dế 蹶 蹳 quệ què 青蝇 丐蟖 thanh răng cây nhặng 蟒 离蟧䖼 mắng dấn văn giai

蜹 (青銳) 蝷 歃 nhuệ bọ ca 蛀 吒嗏 duy dấn sâu 絳 纓 蜻竟 dáng sô chuồn đỏ 蝀 蚒 蜻 䌕 khang y chuồn vàng

蚍 蜆 蟻 tì kiến càng 蠆 蟓蝶 mại ong vàng 蛦 蚰 丐 蟮 gi do cây mang 蟭 螂 tiêu bọ 蚺 蟧 nhiễm trăn

蚧 蛉 蟖 dồi cập kè 蜓 蛜 蛒 đình thằn lằn 蜥蜴 蛒 蟡 tích dịch dẫn mối 蝾 螈 奇陀 vinh nguyên kỳ đà

蠰 鐵 還 trương sên lốc 蝨 蟆 麻 manh chẫu ma 蚣 蝔 蟆 砂 công tri chẫu đá 蛞 蝸 蟕 蛛 quát oa dế dũi

蝬 螂 狂 dồn bọ chó 蝜 螂 蝶 biền bọ dài 咿 蝛 蛥 又 y hàm cống cống 蝒 蛛 duyến dưới 𧐢 蠓 manh mòng

紫 鉚 tử khá 蝢 蜆 ngạnh kiến 蜂 螉 phong ong 蝤 蛸 螂 渃 du quiên bọ nước 守 蛣 石 宗 thủ cung thạch thùng

第三十三僊佚神鬼

寂 家 咏 罷 lịch hiêu vắng vẻ 盅 空 chung không 僊 仙 tiên 一 佛 佚 phật 一 嵾 嵩 䂓 谾 không đông cửa hang

祟 帷 撩 túy quái chêu 魔 鬼 狂 ma quỉ quàng 倥 傯 倍 偟 khống tống vội vàng 穸 咏 tịch vắng 窀 屯 chuân chôn

魋 麻 瘍 lận ma nấn 魘 鬼 撊 yểm quỉ nhồn 蟫 誂 鬼 尭 chẩm hồn quỉ chết 魌 神 武 羅 thần thần vũ la

𩴾 遙祿 quoắc gió lộc 魈 神邪 có thần tà 魒 繩鬼使 rích thằng quỉ sứ 魔 麻防馭 ma — phong quỉa

魃 神爆 bạt thần nắng 䨻 音擊 神滑 khích thần múa 魈 神獨脚 tiêu thần độc cước 魆 魔摇頭 quất ma quất đầu

魕 輔謝 kỵ mặt tạ 夢 占包 mộng chiêm bao 孼 㒳 nghiệt giữ 醜 丑 sú xấu 妖 妖 yêu — 蓄盈 súc doanh

變 夾 biến — 魄 鬼現形 hóa quỉ hiện hình 魍 精水石 võng tinh thủy thạch 魎 精岸棱 lưỡng tinh ngàn dưng

尼 娶娓 lý hà nai 僧 仕僧 tăng sai tăng 疫 癘 邪氣 dịch lệ tà khí 瘟 瘽 鬼風 ôn hoàng quỉ phong

魔 鬼外 ma quỉ ngoại 魘 鬼𩲡 yếm quỉ trong 魃 禊魔黙 kỵ đó ma mặc 魅 㝯喻馭 mị khung người

魂 神𣩂 hồn thần chết 魄 精移 phách tinh đi 死 𣩂 tử chết 魑 鬼 ly quỉ 空 không 馭 người 魔 ma 齋 chay

屍 尸𣩂 thi thây chết 柩 棺材 kiữ quan tài 輀 轝 茹巷 nhi dư nhà táng 葬 音葬 khí 馭 người 䰯 當 núp đường

埋 墫 mai chôn 擴 下 khoát hạ 憫 傷 mẫn thương 墓 墓 mộ — 墳 坟 phần lấm 塋 禮吒 chứng thương lễ đem

第三十四木部

松 椿傘 tòng thông tán 栢 椿南 bách thông nam 楡 椤 du bùi 橘 橘 quất quít 柑 柑 cam — 椰 椰 da dừa

槐 槐 hoè — 棣 檄 lệ mấn 枚 𣘃 mai mơ 櫧 櫱 杉楳 chư nan cây cọ 柿 柿 thị — 檉 音貞 柽 trinh sanh

宲 葰 nhỉ đay 柖 梂 chiêu cành 橙 梃 đằng tranh 李 槾 lý mận 柳 柳 liễu 一 桅 楹 chi doành 㰒 椈 tùng gỗ

楕 屋渃 hôn ốc nước 梨 椄儒 khế cây nho 杉 椴 繩木 xam phi thẹ mốc 榇 音㐌 珠 suất chồ 蘇 棶 tô vang

棗 棗 tảo táo 榴 榴 lôi lựu 楊 楊 dương 一 棉 糕 miên gạo 樟 腸 dương nổ 棠 旁 đường bằng 榕 多 dong đa

柰 檖 lại mít 㰈 柤 xớ ủa 柃 嘉 sâm gia 構 槁 椄 屡 ui vú cây cù 枇杷 偷油 phê pha thầu dầu

橄欖 橄欖 cảm lãm cảm tần 榔 榫 lang cau 葵 葵 quì 一 桂 桂 quế 一 桑 槡 tang dâu 枝 梗 chi ngành

枳 椤叠 chỉ bưởi đắng 榛 枏 掙 tấu cam tranh 涉 果洞庭 xa quả đông đình 檗 椄棋 黜 ê cây gỗ đơn

橑 音路 伕手 lỗ phát thủ 桓 蒲凡 hoàn bồ hòn 棒 棋卒 駘 bổng gỗ tốt sơn 楝 棋春 檵 luyện gỗ soan đâu

漆 山 tất × ớn 葉 蘁 riệp lá 芙 油 phù dầu 杏 杏 hạnh 一 桃 桃 đào 一 槮 杰 棋 朘 cù mộc gỗ cong

梧 梴 ngô vông 橋 Kiều 梓 tử 芙 phù 蓉 dung 椿 thung 亨 bộc 栫 tiến 杲 trắc 柞 tạc 梳 sung 櫋 sam 棪 đàn

槿 溪字 cẩn dấm bụt 椴 青安 hạ thanh iên 櫬 榴 㝵㝵 đâu tập kiến 一 杺 棋鐄心 tâm gỗ vàng tâm

㭘 音消 楬 鐸 昃鉄 tiêu tắc chắc thiết 杯 棘 hôi mâm 楓 櫬 柚 橺 phong đâu dấu rại 鈴 鈴 cầm linh 青 樸 thanh xanh

橠 棋 榛 thụ gỗ tau 打 棋 飣 đinh gỗ đinh 鉄 權 棋 檍 thiết liên gỗ nghiến 黄 楧 㮛油 hoàng anh gội dầu

第三十五禾穀

稷 糭腭 tắc lếp mổ 稤 穞俱 lai giá dầu 稰 穞糯務 hương lúa lếp mùa 麥 穞糯占 mạch lúa lếp chiêm

穀 穞 cốc lúa 種稈 穞釗 đòng chữ lúa giâm 穗 𥢅 tông sớm 秷 穛 thất âm 秒秧 riêu ương 穗 梗 tuệ cành

禾 核穞 hoà cây lúa 秧 𥠶𥡂 ương mạ xanh 芒 𪐝 mang mầm 莖 梗 hành cành 稍 穞糯香 đai lúa lếp hương

秔 穞𥟉 khanh lúa tám 稽 糯秙 đường lếp mường 菽 豆 thục đỗ 麻 𦬑 ma vừng 黍 糯𩑈𪏭 thử lếp đen rờn

穋 穞穋 dù lúa 一 穜 豫䳭 đồng dự chọn 秃穑 屯屯 thúc ẩn uốn 一 秀 音酉 穞披毛 râu lúa chỗ màu

穎 差 cảnh sai 皀 音香 粒 hương lạp 吟 年 ngâm mầu 采 音釆 穞 𥢆 穞頭 thuý dâm lúa dầu 秖 穞鑽𥡥 chi lúa vàng mờ

稇 稼 khổn dơi 碩 䫀 thạc nhốn 㝖 緜 biêu tổ 穟穟 習習 uy dập 一 穪穪 耶耶 ly dã 一

稷 糭 man lếp 𥥥穞 奇花 man thường cả hoa 麳麰 糭繫 nài mạt lếp dẻo 穠稡 腭年 lung hoa mỡ màu

糯 糭 nhu lếp 剛 稡 cương tế 秸 調 cát điều 穅粃 粃糠 khang tỉ tấu cám 䅘䅘 phiêu heo 稈 稭 hấn dòm

稌 苦汜 dù đầy dẫy 穈 穞占 môn lúa chiêm 稘稘 詹詹 dư điểm 一 稶稶 批批 quắc phê 一

秬 糭秬 cự lếp của 穄 穞穞 mường lúa kê 穡穥 撰撰 súc lụy quấy dở 胼胝 引䚩 biên đê dân dầu

莠 稽旗 dùi lúa cỏ 秜 稽䄻 ny lúa dại 穧 割 tế cắt 穇 撤 tụ lượm 秉 拪底栖 bính quắc để tay 一

秩 穭𡏺 khưa lúa còn 芑 糯遲 hi lếp mây 稫稄 日𦹯 bức nắng nhặt dây 束 絺 thúc bó 稑穛 đình mền

秅 音茶 稽絺 chá lúa bó 稷 拪毛 tụng quầy ngọ 糊調 拪㕓 bằng điền quầy mềm 穃饕 補同 quyển sau bó đồng

稽 音詰 稾 移稜 cật cảo cây dạ 隰 同 thập đồng 穫穮 召召 tường 一 đèo đèo 朹芪 延延 bông 一 一 đoan 一

稂 秃特 lúng thóc đúc 穢 𦹯𦽰 uế cỏ lau 粟 亮 櫢稄 túc xác vỏ chấu 苦 𥡗 liêm đây 粗 粗 tô 一

稴 稽𦹯 hộc lúa cỏ 稞 稽吴 qua lúa ngô 稕 音潤 稽拪絺 nhuận lúa quây bó 耘 䅳𦹯戈 vân lúa cỏ qua

第三十六花草菓實

菓 果 quả 一 實 𡨸 thực lải 花 花 hoa 一 蓮 蓮 liên sen 菱 𡥵 năng ấu 茄 喲 da cà 芋 薥 vu khoai

堇 𠃅味 Huê ưng vinh 薯蕷 𥗐 thự dự mài 芭蕉 核𦬑 ba tiêu cây chuối 蘚苔 慈撩 tiển thai rì leo

菊 核菊 cúc cây 一 蒿 青蒿 cảo thanh hao 栭 𢚸聰猫 nhi lâm tai mèo 蒉 𦬑𦹯諍 đề vưng cỏ danh

蒜 𦹯 toán tỏi 韭 葆 phỉ hẹ 𦬑 行 âu hành 藟 萁 lũy nơi 蘿 蒚 đởi riêu 萍 瓢 bình bèo 萊 婁 thái dau

菌 𢚸坦 quân nấm đất 蕁 蒡撩 tầm dây leo 蔘 蒜 liêu sâm 草 𦹯 thảo cỏ 瓞 瓢 bào bầu 瓜 餘 qua dưa

蕢 摔坦 mai nhót đất 蘢 蔞蓬 lung dau dứa 茚蓀 昌蒲 ấn tôn xương bồ 葶藶 蔞莪 đình lịch dau day

萱 蔞軒 huiên dau hiên 莓 學攄 Riêm móng tay 芥 改 dới cải 萹蓄 蔞來 hiên súc thài lài 壓 揖 áp dè

蒨 芳蘞 tinh khoai sọ 醆 朱湄 thoan chua me 藾 杉綿㥦 cộng cây men dại 莧繇 緦紅 vi tí tô hồng

蕨 蔞朗 quiết dau lịt 藫 蔞蕉 đâm dau dong 蘿蔔 淫矩 la bặc chú củ 藭芎 時蘿 cung khung thơ là

蘩 益母 tầm ích mẫu 薄 漫荷 bạc bặc hà 萵苣 蔞葉 oa cự dau diếp 荈茶 茶鮮 xuyên chà chè tươi

薑 䕩 khương gừng 蕭 契 tiêu khế 棶 來 lai 一 蔦 杉似檄 duyên cây lấy quết 蒒 絨樞丕 sư dây nối giối

蔬 蔞 sơ dau 荊棘 格楞 kinh cức chông gai 茉莉 花樣 mạt lê hoa lài 蘆荻 杉樺 lô địch cây lau

蘋 蔞把 tần dau bả 藻 蔞搊 tảo dau dong 苜蓿 蔞瓢 mục súc dau bầu 萆薢 矩灵 tọ tiền củ linh

莢 棹 tử danh 茎 䈁 thô cói 蘘 𦹯 tương diềng 蘙 乂 uất nghệ 葷 祝 huân chốc 茅 杶 mao danh 藍 𧄈 nam chàm

薇 蔞薇 vi dau 一 蔨 蔞杉 sỉ dau sam 蕹蓱 蔞乾 ung hành dau muống 芝蕈 倉菌 chi tầm nấm du

莨 非 nường da 藥 đước 蕿 梦 檬 nhông 一 萱荚 鞘甲 huyện đáp cỏ đáp 葡萄 核雷 bồ đào cây doi

蒟 蔞祝 câu dau chóc 蒲 蔞衡 bồ dau ngói 薏苡 核葦 ý dĩ cây gạo 地膚 杉檬 địa phu cây vừng

艾 艾 ngải 一 灸 蘱 苜衝 Kỉu nhân sương sông 藜 蔞 lê dau 遂 蓬 bồng 一 蕢 矩 cồng củ 朱 chu 支 chi

蘭 澤 細 nan chạch tươi 茱 萸 啼 phâu dỉ đề 蔛 音斛 昌 核 討 thuốc hạt cây xê 葫 萎 萎 味 hồ tuy dau mùi

青 蒿 擱 渃 thanh ngu môn nước 諸 芌 chư khoai 苨 音戶 核 薛 丕 hộ cây tiết giồi 荅 核 豆 㨋 các cây dậu sanh

莧 nghiền 杉 sam 荊 Kinh 界 dồi 茯 phục 苓 ninh 蔓 筵 萎 䲡 man duyên dau má 蓙 蕒 萎 勤 lục anh dau cần

積 tích 雪 tuyết 䲡 má 戶 hộ 連 liên 錢 tiền 蕣 芼 字 竟 thuấn bông bụt đỏ 荷 hà 蓮 liên 蔥 song 行 hành

藕 芊 蓮 ngẫu ngó sen 荏 nhẫm 欒 nạc 生 sinh 藹 ử 蓝 nhị 茤 dỏan 菀 uyển 條 梗 điều cành 着 kỹ 其 kỳ

穭 杜 飯 liền dỗ vãn 萸 阿魏 dị a ngùy 菝 葜 矩 芳 hạt cấp cử dánh 薔 薇 花 紅 tường vi hoa hồng

藟 稔 粌 lũy nắm cơm 蕴 萎 蒸 uẩn dau dong 蕙 huệ 豆 đậu 穗 tuệ 揥 đế 芙 phù 容 dung 蘗 nhiên 芹 cần

葑 萎 封 phong dau 一 蕁 萎 蕁 chuyền daa 一 營 鮮 tăng tươi 遊 卒 oa tất 蔚 蓁 甚 㽗 uất chăn dâm ưm

黮 菓 chạm quả 茂 卒 mậu tất 麗 椋 lệ đều 竜 long 稠 chũ 裯 điều 䲳 vỉ 楉 cư 橼 hào 獵 liệp 猊 sân

臺 核 芠 đài cây ngọt 芘 核 薜 tì cây vấu 馥 郁 㗐 咭 phức úc nưng lẫy 苾 芬 吵 㗲 tất phân ngạt ngào

木 mộc 鼈 miết 棘 dức 蕘 萎 耗 nghiền dau hao 葵 藿 萎 唐 quì hoắc dau ngải 薄 葩 䲡 芶 chạch phốc mã sô

荔枝 果𦷷 lệ chi quả vải 急 㤔 cấp lo 沮洳 浴滄 thư như nặn nội 斯箭 tư do cỏ dây

龍眼 果眼 long quả nhãn 藤 果𨓡 đằng quả mây 桐 đồng 梚 vông 獨 độc 脚 cước 孚 móng 𢬣 tay 檀 đàn 壇 đàn

蕙 樹蕙 huệ cây 一 蘭 樹蘭 nan cây 一 椑柂 果梞 bề chuân quả cây 竹筆 丐勤 chúc can cái cần

厚朴 樹 hậu phác vối 仁 nhân 棗 tảo 仁 nhân 華蓆 樹𣘃 kim lá cây mía 金銀 kim ngân 錢財 tiền tài

第三十七竹類

竹 樹竹 chúc cây 一 簹 樹枚 mi cây mai 篾笏 樹梠 tư nao cây nứa 簜䈬 đáng gai 簹樑 phúc vúng

五千字

五十七

篠 柳 liêu che 筀 樣 khuê dóc 笋 楛 duẩn măng 篁 檜 hoàng cối 簬 果 nộ lật 筼筜 洎眉 vân tướng hạc mây

篚 竹白 cận chúc bạch 竻 柳樹 cân che cây 篺 柳撞排 lân che chàng hai 笻 竹化竜 chung chúc hóa rồng

箁 竹花 phu chúc hoa 莉 柳翁 ny che ông 簇 竹蘗 thốc vi chúc mấm 篔 青皮 man thông thanh bì

筶 楛登 cỗ măng đấng 筠 詰柳 duân cật che 箘 筏 樹栗 quân nhưng cây nắt 篝 竹 y tư chúc con

筦 蕖柳 nguyên mấm che 簳 柳嫩 cán che non 籐 江 đằng dang 簑 𦚖 hốc ối 篁管 亭普 vi quan lau đây

答 đáp đố nở 篭 棟樹 lung cức cây 箚 柳 chu che chết sóc 笺 柳 qua dây che chồi

已㐌 dĩ đã 矣丕 hĩ vậy 乎喂 hồ ôi 萊浩鞋篭 lai chĩ cỏ già 篁萁壁揍 đai cỏ ngột nễ

箲稚江 tã tay dang 筤精楋 dân tinh che 閭𢧚 ngân dịu 矗創 sực sáng 閼𡁷 bật tre 萋賫 thê dồn

咸調 ham đều 合合 hợp 一團團 đoàn 一苑囿壕藥 uyển hựu vườn được 蔡蟠毓搬 oanh hãn quoanh co

音號 蛙𧋆 sâu nhều 燧蔭 loạn ấu 飽飫 bão no 謚妥 mật yên 治治 chị 一陬隅埃坡 su ngung cõi bờ

第三十八祝頌

后𢘾 hậu vua 衆衆 chúng 一徯除 hề chờ 逍遙 đệ đứa 愁恢 thúc nhớ 祛 khư 除 chừ 殃 tai 殃 ương

臺𦬑臺 thục nhà 一庠𦬑庠 tường nhà 一寅亮敬拖 di rường kính đỡ 賛襄𧹣扶 tán tường dúp phù

肆盎 nụy bàu 諏𠳨 sư hỏi 具跳 cụ đồ 繙閱䄶察 phiên duyệt xem xét 藏希講藏 tàng nô kho tàng

伯業伯 bá nghiệp bá 皇茂皇 hoàng đắc 一闓博𧀒待 Khai bác động đãi 煌旁葩卒 huy hoàng nắn chao

功𪕊 ngang chồng 阜湿 tì thấp 峻高 tuấn cao 闆彬吨吧 ôn hẩn dồn dể 閱 duyệt 高 cao 拋 phao 吨 dồn

離𢖖 ly lìa 擊打 kích đánh 坑埻 khanh chôn 崑崙岗坦 côn luân núi đất 昆侖形丕 côn luân hình dời

廿𠄼迣 chấp hai mươi 卅𠀧迣 cấp ba mươi 遨遊制排 ngao du chơi bời 瘂癃福庵 tì ấm phúc êm

附次補遺

音隙 叵迎 khinh nghiêng 揖拜 ấp vái 默況 mặc chìm 含噤 hàm ngậm 姖謹 cỏ cẩn 求尋 cầu tìm 捽捘 toái sa

飈巙 hánh nóng 颸冷 tí nạnh 膚肭 phu da 此几意 thử kẻ ấy 彼馭些 bỉ người ta 共穷 cộng cùng

番坦番 phiên đất 一 禺坦禺 ngung đất 一 遷移 thiên dời 都棟 đô đóng 宮宮 cung 一 臺墩 đài đền

底𥿗 để tấy 溫舟洴船 đẳng chu cạn 一 thuyền 填連 điền đền 塞拉 tắc vấp 扦擅 thiên then 流涸 lưu dòng

椽衙吏 duyện nha lại 趨柒供 oa thầy cung 究奸術酌 nhũng dau thuật chước 雍雍和和 ung 一 hòa 一

禡禩禡 mớ áo má 襬襖花 đáp áo hoa 產貼 sản của 字𡨸 tự chữ 涉戈 thiệp qua 美慣 tiên khen

嘹喨昭嘹 miêu nướng déo dắt 禪傳 thiên chuyền 䥶練 sấu dây 電創 điện sáng 郵傳 bưu chuyền 迅毛 tấn mau

藥蘖 dược thuốc 活塊 hoạt khỏi 疾病 tật đau 怔忡悼慘 chúng sung sợ hãi 傷勞辱因 thương nao nhọc nhằn

剩承 thặng thừa 虧歹 khuy thiếu 娟娟 uyên 一 綠綠戎六 lục 一 nhung nhúc 綿延娄𢆥 miên duyên lâu dài

雜杏 tạp nẩu 攪綹 dác dối 𤟅𤟅 哀台切 nai 一 慾悉 rục lòng 怒恨 lộ dận 爽差 sảng sai 隙嫌 khích hiềm

賡詩 canh thi 律律 luật 一 籤簽 tiêm 一 這意 đá ấy 臻旦 chăn đến 視祐 thị xem 詳詳 tường 一

塞 䩤𨼈 tái cửa ải 𡎝 搭墻 dựy đắp tường 嗍嘲 𠯿𠯿 kỳ chào năm nắp 瞠瞠 炤炤 đuống 一 thìn 一

靚 趿 cấu gặp 跋涉 踍蹺 lạt thiệp nối theo 契濶 車隔 khế khoát sa cách 踵 蹺真連 chủng lối chân liền

訦 磊 vui nói 恚 恨 khuể dận 勸 勸 kứu Khuyến 輾轉 嗟遣 Khuễn chuyển dẫn dở 垝垣 墻厨 cư; viến tường chua

確 的確 xác đích 一 貿 尌摸 mậu đổi mua 奇珍 寶𨘗 kỳ chân báu lạ 滺滺 滚滚 du 一 cuồn 一

黜 黜 chuất ra 緌紽 寬寬 uy đà khoan 一 寵 腰 sủng iêu 㚌 音貌 嫮 quoắt sải 睍睆 嘖昭 nghiễn ngoãn dắt deo

顒 敬 ngung kính 洽 瀋 hộp thấm 嫢 腰 hế iêu 蓁蕪 樲櫹 chăn vu dậm dạp 翩翩 芼芼 kiều 一 chon von

靦 倩 then 慄 悖 lật sợ 悄 嗢 tiễu ồn 遺 底 dưy để 囑 保 chúc bảo 隴 塀 lủng cồn 畬 荒 dứ hoang

捶 thoá 擯 dầu 骨 cốt 鞭 nganh 債 chái 昂 ngang 宰 官宰 tể quan 一 葺 所郎 tháp sửa sang 朽 hủ 頽 đổi

竭 歆許 át hấu hủ 嚷 乞唏 xí hát hối 窞阱 栿滹 hạm tịnh dồ hổ 徙 移 tỉ dời 漂 散 phiêu tan

犕 萎犕 hị dau 一 蔄 乾蔄 dau dau 一 蓽蘿 樟樟 tất la dậm dạp 薜蕃 霑耶 tế phan diên dà

劾 刻 hặc 一 悱慘 皺加 phi thẩm sát sa 驟 倍 sâu nội 迫 鍘 bách gắt 拷 查 khảo tra 卭 窮 chùng cùng

媢 懷呪 mị dơn ngát 裏 悉中 lý lòng dung 韎鞨 㚖每 mạt hạt dở mọi 阿從 都曉 a tòng đua theo

咥 咹 chí ăn 桑葚 果桄 tang thầm quả dâu 饑歉 胕欠 có khiếm đói kém 采姜 thái dọn 庸 常 dong thường

質 覩信 chí con tin 露 熁炼 nộ dỗ dàng 導 瀧 đạo khơi 築 搭 chúc đắp 墉 塘 chích đường 他 麻 tha ma

嬉 制 hi chơi 惡 恄 ố ghét 寧 他 ninh thà 要 慍 lộ vui 欲 憫 nục muốn 堂 茹 đường nhà 飽 飫 bảo no

勍敵 擽攝 kình địch chống chỏi 巨蘇 cự to 區處 攝達 khu sử sắp đặt 豫猶 拥扛 dự do dùng dằng

佯 者格 dương giả cách 訝 吶能 nhạ nói năng 忒 差 thắc sai 詐 哆 chá dối 懲懲 慜慜 chừng 一 nhón 一

搰 陶 quật đào 窠 祖 quả tổ 蠣 蜂 lệ ong 曼 高 man cao 努 勛 [illegible] khỏe 畢 衝 tất song 圓 圇 viên chọn

蚕 誰詔 cầu cuống chiếu 蝶 蟆强 kiệt chấu con 袺 罗幌擔 liệt [illegible] [illegible] [illegible] 圈 圇 khoanh tròn 收 收 thu

蟋 蛑蛞 thú sâu dóm 蠛 蜂瓢 iên ong bầu 蟹 蜆 ủy kiến 蛋 蝬 da mọt 蚘 蛑膝趴 vin sâu lưng người

倖 倖 hồng 一 祿 祿 lộc 一 代 茋 đại đời 薦 㙴 tiến dâng 賕 貽 cầu của 辞 啞 từ thôi 替 㐌 thế thay

鍬 鍬 署便 qua ngoa thơ tiện 搖 抹 dao nay 蹈 䢈 đạo dậy 沓沓 旋吹 đạp 一 tuyền suối 圓 圇 viên chọn

檻 橈 khiên khéo 欈 槁 niên guốc 埠 擗 phụ côn 甶 音伏 羅頭鬼 phật la đầu quỉ 囪門 腤頭 tấn môn sấp đầu

蜴 蟀蟲 dịch mang đên 蠱 蟆瓢 cam tâu bèo 蠬 duy 蛒 dấn 罘 bấn 麴 cánh 缸 hai 頭 đầu 巷 sái 真 chân

田 户 田 điền họ 一 秦 茹秦 tân nhà 一 汞 vĩnh 賖 sa 渤 bột 海 hải 近 cận 斯 gần 瑯 lang 耶 da

擭 quải kẻ cắp 嫗 âu bà đã 眸 mâu người 現 hiện thấy 吆 吆 和 和 oa 一 oà 一

饋 soang cơm sống 饑 uế cơm khê 暗 ám lâu có ám 锗 chư đế mong chôn

腙 qua thịt dưới lưng 之 chi chúng 腩 nam nem 曆 cập chao 肉 春 nhục thưng lá đó

膝 chiếc nướng chả 糯 phúc bánh nò 飲 đảo bánh bột nọc 澹 đảng đảo bánh chái

梔 y một chôn 齧 牙 cối ngà nai 瑩 tù hế 磔 礪 lệ mài 槌 hùi thôi

變 tiên 兵 binh 火 hoả 嶼 sứ 儀 ngài 尼 nói 一 兎 [illegible] chái người [illegible]

霽 đông mưa sâu 颺 dướng gió âm 遍 liền khắp 陬 ó cõi 澌 tiềm đắm 覆 phú che

網 網 cương 一 目 目 mục 一 聞 văn nghe 虛 空 hư không 敢 cảm dám 矜 誇 căng khoe 辭 từ thôi

Ngũ Thiên Tự Quyển Tất

Đại Dịch Quốc Ngữ Sao Âm

Trong thư cả
Ngàn ấy chữ
Ngàn ấy nghĩa
Hoặc có sai
Bởi vì ép
Vần cho dễ
đọc

cuối